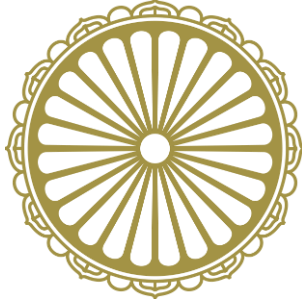


BUDDHASĀSANA THERAVĀDA



**SỔ TAY NGHIÊN CỨU
VÔ TỶ PHÁP (ABHIDHAMMA)**

Biên soạn: **Bhikkhu Visischaysuvan**

&

VÔ TỶ PHÁP LÀ PHẬT NGÔN

Biên soạn: **Bhikkhu Gandhasārābhivamsa**

Biên dịch: Bhikkhu Abhisiddhi – TK Siêu Thành

Hướng dẫn biên dịch: Maggabujjhano - Thầy Ngộ Đạo

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

SỔ TAY NGHIÊN CỨU VÔ TỶ PHÁP (ABHIDHAMMA)

Biên soạn: Bhikkhu Visischaysuvan

& VÔ TỶ PHÁP LÀ PHẬT NGÔN

Biên soạn: Bhikkhu Gandhasārābhivamsa

Biên dịch: Bhikkhu Abhisiddhi - TK Siêu Thành

Hướng dẫn biên dịch: Maggabujjhano - Thầy Ngô Đạo

In lần thứ 2. Phật lịch 2564 - Dương lịch 2020

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Bìa: Mỹ Hà

Đối tác liên kết:



THƯ VIỆN PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY:

171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. HCM

Email: webphatgiaonguyenthuy@gmail.com

Website: www.phatgiaonguyenthuy.com

www.phatgiaonguyenthuy.net

In 2.000 bản, khổ 14,5cm x 20,5cm tại: Xưởng in Nguyễn Minh Hoàng.

Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P. 13, Q. Tân Bình, TPHCM.

Số QĐXB của NXB: 277/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 23 tháng 05 năm 2020

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-9970-65-8

Số XNĐKXB: 1751-2020/CXBIPH/64 - 24/HĐ

In xong và nộp lưu chiểu năm 2020

MỤC LỤC

LỜI DẪN	5
SỐ TAY NGHIÊN CỨU VÔ TỬ PHÁP	8
Vô Tử Pháp Là Gì?	8
Ý Nghĩa Của Pháp Siêu Lý	21
Ý Nghĩa Của Pháp Chế Định	24
Pháp Siêu Lý Là Pháp Vượt Trội Hơn Sự Định Đặt Chế Định	25
Lịch Sử Của Vô Tử Pháp (Abhidhamma)	29
Điều Pháp Lý Hợp Là Gì ?	34
Tụng Vô Tử Pháp Trong Nghi Thức Tang Lễ	42
Lợi Ích Từ Việc Nghiên Cứu Vô Tử Pháp	45
VÔ TỬ PHÁP LÀ PHẬT NGÔN	51
Vô Tử Pháp là Phật Ngôn	55
Ý Nghĩa Của Vô Tử Pháp	55
Sự Hình Thành Của Abhidhamma - Vô Tử Pháp	61
Những Câu Chuyện Liên Quan Đến Vô Tử Pháp Gặp Trong Kinh Và Luật	65
Việc Phán Đối Vô Tử Pháp Không Phải Là Phật Ngôn	77
Chương Kết	112

**NAMO TASSA BHAGAVATO
ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THỂ TÔN,
BẬC ỨNG CÚNG,
ĐẰNG CHÁNH ĐẰNG GIÁC

—————((()))—————

LỜI DẪN

Khi nói tới danh từ Vô Tỷ Pháp cũng thường luôn bị hỏi Vô Tỷ Pháp là chi? Học Vô Tỷ Pháp liên quan đến những gì? Ai là người soạn ra Vô Tỷ Pháp? Học Vô Tỷ Pháp được những lợi ích gì? Phần lớn người ta sẽ hiểu, nhưng hiểu Vô Tỷ Pháp là đọc tụng trong nghi thức tang lễ, hay có người chưa từng nghe biết vấn đề, ngay cả chính nhiều người tụng cũng không biết.

Vô Tỷ Pháp là phần cốt lõi đề cập đến pháp cao siêu. Pháp cao siêu ở đây là nói về bốn điều như là Tâm (Citta), Sở Hữu Tâm (Cetasika), Sắc Pháp (Rūpa) và Níp-bàn (Nibbāna). Vô Tỷ Pháp là cốt lõi của đạo Phật, có ý nghĩa vi tế, sâu xa, dẫn đến sự biết, sự hiểu về pháp bản thể của cuộc sống, vấn đề của nghiệp và sự trở quả của nghiệp, vấn đề về các cõi khác nhau, vấn đề của vòng luân hồi sanh tử và vấn đề của sự thực hành pháp cho được thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử. Đó là mục đích tối thượng trong đạo Phật.

Tất cả các môn học trên thế giới mà chúng ta đã từng học, từng nghe và từng đọc qua không phải chỉ trong kiếp này hay trong những kiếp trước mà ở quanh quẩn trong vòng sanh tử vô số kiếp cho tới khi đếm không chính xác. Có lẽ chúng ta cũng từng được học, từng nghe và từng đọc nhiều lắm rồi, nhưng cũng không làm cho ta thoát ra khỏi sự khổ, thoát ra sự khó khăn hay thoát khỏi phiền não. Nay cũng trình bày cho thấy là những chuyên môn ấy không làm cho chúng ta sanh khởi trí tuệ cho đúng đắn về bản chất thật, mà chỉ biết được con đường hiệp thế để sử dụng, tự mình duy trì mạng sống chỉ trong thế giới này, kiếp này mà thôi.

Hơn nữa là để cho sanh khởi tri kiến, sự thấu hiểu trong phần cơ bản liên quan đến lịch sử có mặt và ý nghĩa chính của Vô Tỷ Pháp. Vô Tỷ Pháp sẽ dẫn chúng ta đến sự nghiên cứu vi tế sâu xa, sự tu tiến để cho sanh trí tuệ, hiểu thấu đáo trạng thái pháp theo bản chất thật kế tiếp của chính chúng ta. Vì thế, quyển sách này được tập hợp và soạn lại cho dễ hiểu, nhất là liên quan đến Vô Tỷ Pháp.

Với phước thiện nào phát sanh qua việc tập hợp và biên soạn lại cho đến khi thành tựu quyển sách này, tôi xin cúng dường đến Tam bảo, nhà chú giải và giáo thọ sư, tất cả được thừa hưởng gia tài Pháp bảo quý giá này được truyền lại cho đến tận bây giờ.

Và xin cho bình yên, là người có trí tuệ thấu triệt trong pháp lỗi, là lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, sự che chở phát sanh đến toàn thể chúng sanh đang luân hồi trong 31 cõi và xin cho thành tựu trên mọi lĩnh vực, nhất là con đường tu tập.

Bhikkhu Visischaysuvan

SỔ TAY NGHIÊN CỨU VÔ TỶ PHÁP

Vô Tỷ Pháp Là Gì?

Sau khi Sa-môn Gotama trở thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác được giác ngộ rồi, Ngài đã trình bày giáo pháp tế độ chúng sanh có khả năng thấu hiểu trong thời gian dài đến 45 mùa an cư. Lời dạy của Đức Phật được trình bày có tổng cộng tất cả 84.000 pháp uẩn gọi là Tam tạng để chứa đựng lời dạy và vấn đề của đạo Phật duy trì và đã được chia ra làm 3 tạng hay 3 nhóm cùng nhau là:

- I. Tạng Luật (Vinaya Piṭaka).
- II. Tạng Kinh (Suttanta Piṭaka).
- III. Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhamma Piṭaka).

I. Tạng Luật hay gọi ngắn gọn là luật phần, là lời dạy của Đức Phật về những điều học giới (chế định điều học) suốt quá trình tăng sự và qui định của chư tăng, là luật qui định của chư Tỳ-khưu và chư Tỳ-khưu-ni

sẽ áp dụng, cũng gom một phần lịch sử Đức Phật và lịch sử kết tập Tam tạng có tổng cộng 21.000 pháp uẩn chia ra làm 5 quyển, gọi tắt là Ā, pā, ma, cu, pa (Đầu đề của Luật) được kể là:

1. Bộ Tiền Sự (Ādikammika): là phạm tội bất cộng trụ, tăng tàng, bất định và lần đầu chế định trong những điều học khác nhau.
2. Bộ Ưng Đối Trị (Pācittiya): phạm ưng đối trị là những tội lỗi nhẹ.
3. Đại Phẩm (Mahāvagga): lịch sử Đức Phật khi mới giác ngộ và cách hành tăng sự theo Luật.
4. Tiểu Phẩm (Cūlavagga): là cách hành tăng sự theo luật từ Đại Phẩm suốt quá trình đi đến của Tỳ-khưu-ni và làm đúng theo trình tự kết tập Tam tạng.
5. Toát Yếu (Parivāra): bởi những vấn đề linh tinh (nhỏ nhặt), hay riêng lẻ.

II. Tạng Kinh hay gọi tắt là Kinh là tập hợp quá trình thuyết giảng giáo pháp, lời giảng giải và nhiều lời dạy khác nữa để sửa đổi cơ tánh con người và là cơ hội để pháp này trình bày bằng cách sử dụng chế định, khái niệm, chúng sanh, người, vua chúa, chư thiên, v.v. Tạng Kinh có lời dạy tất cả 21.000 pháp uẩn, chia ra làm 5 bộ gọi tắt là Di, ma, saṅ, ang, khu (Đầu đề của kinh) được kể là:

1. Trường Bộ Kinh (Dīghanikāya): kết hợp bởi những bài Kinh cỡ dài, số lượng 34 bài.
2. Trung Bộ Kinh (Majjhimanikāya): Kết hợp bởi những bài Kinh cỡ trung, số lượng 152 bài.
3. Tương Ưng Bộ Kinh (Saṃyuttanikāya): kết hợp bởi những bài kinh được sắp xếp theo nhóm gọi là Tương ưng có tên theo ý nghĩa. Ví dụ liên quan đến xứ sở Kosala, gọi là Tương ưng Kosala; liên quan đạo, gọi là tương ưng đạo, số lượng 7762 bài kinh.

4. Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttaranikāya): kết hợp bởi những bài kinh được sắp xếp thành nhóm theo nguyên tắc gọi là "tập hợp" như là tập hợp Pháp có điều pháp chỉ 1 câu pháp, cho đến 22 điều pháp, gọi là tập 11 pháp. Trong bộ này có số lượng 9557 bài.

5. Tiểu Bộ Kinh (Khuddakanikāya): kết hợp bởi những lời dạy riêng lẻ, lịch sử và những câu chuyện khác nhau bên ngoài sự sắp xếp của 4 bộ kinh nói trên chia ra theo phần được 15 phần là:
 - 1) Tiểu Tụng (Khuddakapāṭha) - trình bày những bài Kinh tụng nhỏ nhỏ, ít ít bởi nhiều bài Kinh tụng ngắn.

 - 2) Pháp Cú (Dhammapada) - trình bày những lời dạy theo thể kệ của đức Phật khoảng 423 câu.

 - 3) Phật Tục Thuyết (Udāna) - trình bày những điều Phật tục thuyết, là kệ ngôn bởi có nhiều chuyện được kết hợp đúng thời.

- 4) Phật Thuyết Như Vậy (Itivuttaka) - trình bày dẫn chứng Đức Phật thuyết như vậy, như vậy.
- 5) Kinh Tập (Suttanipāta) - là nhóm được tập hợp từ những bài riêng lẻ trong Kinh lại với nhau.
- 6) Thiên Cung Sự (Vimānavatthu) - trình bày những câu chuyện của người ở Thiên cung và trình bày nhân làm cho sanh lên Thiên cung ấy.
- 7) Ngạ Quỷ Sự (Petavatthu) - trình bày câu chuyện của Ngạ quỷ đã làm những tội nghiệp nào.
- 8) Trưởng Lão Tăng Kệ (Theragāthā) - trình bày những kệ ngôn khác nhau của chư Thánh tăng đệ tử Phật.

- 9) Trưởng Lão Ni Kệ (Therigāthā) - trình bày những kệ ngôn khác nhau của chư Thánh ni đệ tử Phật.
- 10) Bốn Sanh (Jātaka) - quá trình thuyết pháp đề cập những câu chuyện trong những kiếp quá khứ của Đức Phật.
- 11) Xiển Minh (Niddesa) - nói về vấn đề của xiển minh (giải thích) sự phân loại chia làm Đại Xiển Minh và Tiểu Xiển Minh.
- 12) Phân Tích Đạo (Paṭisambhidāmagga) - nói đến sự thực hành để đi đến có trí tuệ tột cùng.
- 13) Thánh Tăng Ký Sự (Apadāna) - nhóm này nói đến đời sống lịch sử của Đức Phật, Thánh tăng đệ tử và Thánh ni đệ tử.
- 14) Phật Sử (Buddhavaṃsa) - trình bày lịch sử của 24 vị Phật quá khứ.

15) Hạnh Tạng (Cariyāpitaka) - trình bày câu chuyện thực hành những pháp độ của Đức Phật.

III. Tạng Vô Tỷ Pháp hay gọi ngắn gọn là Vô Tỷ Pháp, là nhóm tập trung Phật ngôn đề cập nguyên lý cơ bản chuyên môn bởi vấn đề đều là pháp siêu lý¹ (Paramatthadhamma) đưa ra ví dụ là khi nói đến một người nào, theo Vô Tỷ Pháp gọi người không có thật, chỉ là những điều hội hợp với nhau như là tâm, sở hữu tâm, sắc pháp. Như thế pháp trong nhóm này không có những vấn đề của người, sự kiện, hay chỗ ở là điều chế định liên quan đến sự dính mắc đó.

Tạng Vô Tỷ Pháp có tổng cộng 42.000 pháp uẩn chia ra làm 7 bộ gọi tắt là Saṅ, vi, tha, pu, ka, ya, pa (Đầu đề Vô Tỷ Pháp) được kể là:

¹ Pháp Siêu Lý có bốn loại là Tâm, Sở Hữu Tâm, Sắc Pháp, Níp Bàn.

1. Bộ Pháp Tụ (Dhammasaṅgaṇī): là những Pháp tập hợp theo tụ theo chùm gọi là chương, có tất cả bốn chương là:
 - a) Chương phân loại tâm: trình bày sự phân chia tâm và sở hữu tâm, v.v.
 - b) Chương phân loại sắc pháp: trình bày sự phân chia về sắc pháp, v.v.
 - c) Chương toát yếu: trình bày pháp theo mẫu đề (đầu đề) của pháp siêu lý (Paramatthadhamma).
 - d) Chương trích yếu: trình bày sự phân chia phần pháp chánh yếu theo Đầu đề của pháp siêu lý (paramatthadhamma).
2. Bộ Phân Tích (Vibhaṅga): là sự phân chia đầu đề trong bộ Pháp Tụ. Tất cả đầu đề tam có 22 nhóm và đầu đề nhị có 100 nhóm, chia làm 18 phân tích như

là Uẩn² phân tích (phân chia Uẩn), Xứ phân tích (phân chia Xứ), Giới phân tích (phân chia Giới), Đế phân tích (phân chia Đế), Quyền phân tích (phân chia quyền), Duyên Khởi phân tích (phân chia theo Duyên Khởi), Niệm Xứ phân tích (phân chia theo Niệm Xứ), v.v.

3. Bộ Nguyên Chất Ngữ (Dhātukathā): là những lời giải thích về vấn đề 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới theo đầu đề của bộ với số lượng 105 câu và đầu đề từ Bộ Pháp Tụ với số lượng 266 câu (mẫu đề tam 66 câu trong 22 nhóm và nhị đề 200 câu trong 100 nhóm) trình bày bởi nhiều cách khác nhau (số lượng 14 cách). Để tìm lời giải đáp là câu pháp thực tính đó yếu hiệp (nhiếp) được bao nhiêu Uẩn? Yếu hiệp được bao nhiêu Xứ? Và yếu hiệp bao nhiêu Giới? Không yếu hiệp bao nhiêu Uẩn? Không yếu hiệp bao nhiêu Xứ? Không yếu hiệp bao nhiêu giới?

² Uẩn (khandha) nghĩa là 5 uẩn được hợp bởi Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn. Sắc uẩn cũng là Sắc Pháp. Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn là phần Sở Hữu Tâm. Phần Thức uẩn cũng là Tâm. Như vậy 5 uẩn cũng là Tâm + Sở Hữu Tâm + Sắc Pháp.

4. Bộ Nhân Chế Định (Puggalapaññatti): là sự định đặt (sự thông báo, trình bày hay giải thích) trong 6 vấn đề là:
- a) Uẩn chế định là sự chế định vấn đề của Uẩn.
 - b) Xứ chế định là sự chế định vấn đề của Xứ.
 - c) Giới chế định là sự chế định vấn đề của Giới.
 - d) Đế chế định là sự chế định vấn đề của Đế.
 - e) Quyền chế định là sự chế định vấn đề của Quyền.
 - f) Nhân chế định là sự chế định vấn đề về Người.
5. Bộ Ngữ Tông (Kathāvatthu): là sự tranh luận để giải thích nhân quả cho thấy rằng luận điểm (quan điểm) của phần tha ngôn (các vị Tỳ-khưu trong bộ phái cắt ra từ Trưởng Lão Bộ trong thời đại đế Asoka) với số lượng 219 quan điểm sai lệch với Phật ngôn xưa mà các vị Tỳ-khưu Trưởng Lão Bộ đã thực hành theo. Ở cách thức tranh luận phải có logic. Đáng quan tâm ở

đây là Phật ngôn được Đức Phật thuyết một cách đầy đủ, khuôn mẫu mà chỉ có trong bộ đó.

6. Bộ Song Đối (Yamaka) là sự vấn – đáp về vấn đề mười nhóm Pháp thực tính theo phương pháp hai câu là câu hỏi – câu trả lời thành một đôi là cách đặc biệt của bộ này. Mười nhóm Pháp thực tính như là:

1) Nhóm Căn (Pháp thực tính về nhân).

2) Nhóm Uẩn.

3) Nhóm Xứ.

4) Nhóm Giới.

5) Nhóm Đế.

6) Nhóm Hành.

7) Nhóm Tùy Miên.

8) Nhóm Tâm.

9) Nhóm pháp thực tính trong tam đề thiện gọi tắt là nhóm Pháp.

10) Nhóm Quyền.

Mười nhóm pháp thực tính này chia ý chính của bộ Song Đối ra mười song, gọi tên theo nhóm pháp thực tính có phần chính là:

1) Căn song.

6) Hành song.

2) Ẩn song.

7) Tùy miên song.

3) Xứ song.

8) Tâm song.

4) Giới song.

9) Pháp song.

5) Đế song.

10) Quyền song.

7. Bộ Vị Trí (Paṭṭhāna) là phần phân tích đầu đề pháp thực tính hay đầu đề có tất cả 266 câu (112 nhóm) trong bộ Pháp Tụ bởi mãnh lực duyên 24 loại có Nhân duyên (Hetupaccayo), v.v. để cho thấy là tất cả pháp thực tính có quy luật sanh lên theo nhân duyên. Tất cả không sanh lên theo sự điều khiển của người

nào nhưng diễn tiến theo quy luật của pháp tự nhiên gọi là định luật tâm, định luật nghiệp, định luật pháp.

Tóm lại Vô Tỷ Pháp cũng là phần Pháp thứ 3 trong Tam tạng dạy cho chúng ta thấy rõ pháp bản thể đúng theo sự thật trong thân ta và tất cả chúng sanh như là tâm, sở hữu tâm, sắc pháp và cũng sẽ biết rõ Níp-bàn là mục đích tối thượng trong Đạo Phật.

Pháp Bản thể có 4 là tâm, sở hữu tâm, sắc pháp, Níp-bàn tập hợp lại gọi là pháp siêu lý. Nếu nói theo từ ngữ thì danh từ “Thắng Pháp” hay “Vô Tỷ Pháp” nghĩa là pháp cao tột, cao siêu, vượt trội, pháp có bản chất thật là phi chế định.

Cốt lõi trong Vô Tỷ Pháp gần như tất cả đều sẽ nói đến pháp siêu lý bởi không có liên quan pháp chế định (khái niệm Tục Đế). Do vậy, trước tiên nên hiểu phần cơ bản là: pháp siêu lý và pháp chế định đó khác nhau như thế nào?

Ý Nghĩa Của Pháp Siêu Lý

Pháp Siêu Lý là pháp bản thể, là sự thật chắc chắn duy trì trạng thái của pháp bản thể ấy. Bởi sự không biến đổi, trái lại là pháp bác bỏ chúng sanh, người, tôi, ta bởi có tất cả 4 điều là:

- a) Tâm
- b) Sở Hữu Tâm
- c) Sắc Pháp
- d) Níp-Bàn

Mà có ý nghĩa tóm tắt sau đây:

Tâm là pháp bản thể làm nhiệm vụ thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm luôn cả ý thức phát sanh sự suy nghĩ, suy xét. Thực tính của tâm có tất cả 89 tâm (nói hẹp) hay 121 tâm (nói rộng) nhưng khi nói bằng trạng thái chỉ có một là biết cảnh (Cảnh ở đây nghĩa là sắc, thanh, khí, vị, xúc và cảnh pháp khác nhau mà tâm nhận biết).

Tâm là danh pháp có nhiều tên gọi như là thức, ý, tâm địa, ý quyền, ý giới, ý thức giới và ý xứ, v.v.

Sở Hữu Tâm là pháp bản thể để hòa hợp cùng tâm, tạo ra tâm và làm cho tâm sanh ra sự nhận biết, nghĩ ngợi chia ra từng phần tốt và xấu khác nhau. Có tất cả 52 trạng thái sở hữu là danh pháp sanh cùng với tâm, đồng sanh với tâm, diệt cùng tâm, biết một cảnh với tâm và nương sanh cùng một vật với tâm. Trạng thái của tâm chỉ là làm chủ trong cái biết cảnh, nhưng có tâm sân hay tâm tham là bởi vì có sở hữu hòa hợp làm cho sanh sự giận dữ hay tham đắm đó. Tâm giống như viên thuốc, sở hữu giống như thành phần thuốc ở trong viên thuốc đó. Tâm sanh mà không có sở hữu thì không được và sở hữu sanh mà không có tâm cũng không được.

Bởi vì tâm và sở hữu là pháp đồng sanh cùng thời gian. Như vậy, sự giải thích một vài điểm trong quyển sách này viết là “Tâm + Sở Hữu Tâm” để cho nhớ tưởng luôn luôn là tâm và sở hữu đó là pháp bản thể đồng sanh cùng nhau hỗ tương, nương nhờ lẫn nhau và không thể chia lìa nhau ra được.

Sắc Pháp là pháp bản thể có trạng thái rã tan, tiêu hoại đổi thay bởi sự lạnh và sự nóng trong thân của ta và

tất cả chúng sanh có sắc pháp hội hợp nhau. Có tất cả 28 loại và sắc pháp hội hợp ở đây, nhưng mỗi loại sắc khác cũng tiêu hoại đổi thay liên tục không có sự bền vững kiên cố.

Níp-bàn là pháp bản thể thoát khỏi sự trói buộc của phiền não, thoát khỏi sự vận hành của vòng sanh tử. Theo sự giải thích có 2 trạng thái là:

- a) Hữu Dư Y Níp-bàn (saupādisesanibbāna) là Níp-bàn vẫn còn hiện hành 5 uẩn nghĩa là sự diệt tận phiền não rồi (phiền não Níp-bàn) nhưng 5 uẩn vẫn còn sanh diệt tiếp (vẫn còn mạng sống).
- b) Vô Dư Y Níp-bàn (anupādisesanibbāna) là Níp-bàn không có 5 uẩn giống như Níp-bàn của vị A-la-hán (người thoát khỏi phiền não) và không còn kiếp sống nữa (phiền não không còn dư sót và 5 uẩn cũng không còn dư sót) hay gọi là viên tịch Níp-bàn (pari = viên). Khi đã Níp-bàn rồi tâm + sở hữu tâm và sắc pháp sẽ dừng sự tiếp nối và diệt mất hoàn toàn (là khi Níp-bàn

rồi sẽ không có sanh nữa hay không còn kiếp sống tiếp theo nữa).

Níp-bàn là mục đích tối thượng trong Phật Giáo mà tất cả những người đệ tử của Phật cần cố gắng đạt được cho kỳ được mới xứng danh gọi là Thinh Văn đệ tử Phật là bậc thánh nhân và là người thừa tự pháp bảo trong Phật Giáo.

Ý Nghĩa Của Pháp Chế Định

Pháp chế định là pháp mà người ta định đặt để đưa thông tin cho hiểu ý nghĩa với nhau.

Ví dụ: Tên anh Mi, cô Ma, xanh, đỏ, phía bắc, phía nam, thứ hai, thứ ba, tháng tám, tháng mười, năm Tí, năm Sửu, buổi sáng, buổi chiều, 24 giờ, đại tướng, vụ trưởng, bộ trưởng, đồng tiền 50 xu, tiền giấy 100 bath, đoạn đường 1km, cân nặng 1kg, diện tích 1 mẫu. Tất cả đều là sự định đặt. Những điều này gọi là pháp chế định.

Luôn cả đến cây cối, núi non, sông hồ, mặt trời, mặt trăng, sách, viết, đồng hồ, nhà, bàn, ghế, ly nước,

muỗng, đĩa, quạt máy, radio, xe bò, thuyền, xe hơi, người và chúng sanh, v.v. cũng sắp xếp vào pháp chế định vậy.

Pháp Siêu Lý Là Pháp Vượt Trội Hơn Sự Định Đặt Chế Định

Nếu không có người sanh lên trong thế giới này, ý nghĩa của những điều khác nhau đây là con người chế định lên thành như thế này, thế đó, tên gọi như vậy, như kia. Cũng ắt hẳn không sanh lên như thế. Ngay cả cây cối, núi non, sông hồ, đất đai, mặt trời, mặt trăng, v.v. cũng chỉ là pháp tự nhiên. Nó không có ý nghĩa, không có tên, mà chỉ là hiện tượng sanh từ sự hội hợp nhau của Sắc Đại Hiện đều là sắc pháp (Sắc) không có danh pháp (Tâm + Sở Hữu Tâm) đó là thực tính siêu lý (Pháp Siêu Lý) và nó đã hoàn toàn thoát ra sự định đặt chế định.

Phần người và tất cả chúng sanh đó, nếu nói ở khía cạnh pháp siêu lý rồi cho rằng không có thân ta, không

có cậu Mi, cô Ma mà chỉ có sắc pháp (Sắc) và danh pháp (Tâm + Sở Hữu Tâm) đến hội hợp với nhau.

Vì thế không có “ta”, “tôi” hay “người khác” mà chỉ là tập hợp của tất cả chúng sanh khi nói ở khía cạnh pháp siêu lý hay bản chất thật theo pháp bản thể có ba phần kết hợp đó là:

- a) Tâm là pháp bản thể biết cảnh.
- b) Sở hữu tâm là pháp bản thể kết hợp với tâm và tạo ra tâm, có 52 trạng thái.
- c) Sắc pháp là chi phần có 28 loại tập hợp đầy đủ làm nên thành sắc thân.

Sẽ thấy là tất cả chúng ta và tất cả chúng sanh đều có phần kết hợp giống nhau là:

- a) Chúng ta cũng có tâm, sở hữu tâm và sắc pháp.
- b) Họ cũng có tâm, sở hữu tâm và sắc pháp.
- c) Tất cả chúng sanh cũng có tâm, sở hữu tâm và sắc pháp.

Chỉ có sự tạo tác khác nhau mà sắc thân, mặt, mắt, màu da, mà được phân biệt khác nhau bởi năng lực của nghiệp đã làm trong quá khứ.

d) Tâm + Sở Hữu Tâm và Sắc Pháp có trạng thái phổ thông theo pháp bản thể (Phổ Thông Tướng) có 3 điều là:

a) Vô thường tướng là có trạng thái không bền vững, không chắc chắn, luôn thay đổi mỗi lúc.

b) Khổ não tướng là có trạng thái không thể chịu đựng được tình huống trước sanh lên rồi lại bị tiêu diệt ở mọi lúc.

c) Vô Ngã Tướng là có trạng thái không phải ta, không phải tôi, không thể ép buộc nghe theo bằng mệnh lệnh được.

Ba phổ thông tướng này là sự thật chắc chắn, là định luật pháp tự nhiên gọi là tam tướng.

Kết luận tâm, sở hữu tâm và sắc pháp là sự kết hợp hình thành người hay hình thành bất cứ chúng sanh nào.

Thật sự là không có tinh hoa thật chất gì đâu, mà chỉ có sự hội hợp nhau của phần cấu tạo vô thường, sanh diệt sanh diệt nối tiếp nhau liên tục (khoảng búng ngón tay tâm sanh diệt triệu triệu lần hay một triệu lần) là trạng thái không có chủ nhân, không là của ai, không có ai là chủ nhân, không diễn tiến theo sự mong muốn, không theo mệnh lệnh của người nào. Sự rỗng không từ cách cấu tạo lên người này, người kia. Sự rỗng không từ sự hình thành thân ta. Sự rỗng không từ sự hình thành cái này, cái kia. Chỉ theo sự định đặt lên mà thôi. Những pháp thực tính đó diễn tiến theo nhân, theo duyên, đồng sanh với nhân, đồng sanh với duyên. Dù Đức Phật có ra đời hay không thì pháp siêu lý này chắc chắn cũng đúng theo pháp bản thể. Đức Phật chỉ là bậc giác ngộ và dẫn dắt chỉ bày cho tất cả chúng ta biết rõ mà thôi (nếu muốn biết rõ cốt lõi sâu xa của bốn pháp siêu lý cũng nên cần nghiên cứu Vô Tỷ Pháp một cách tỉ mỉ và chi tiết).

Lịch Sử Của Vô Tỷ Pháp (Abhidhamma)

Trong tuần lễ thứ tư sau khi Đức Phật giác ngộ, Ngài đã suy xét một cách chi tiết về Vô Tỷ Pháp là cốt lõi liên quan đến pháp siêu lý (Tâm, Sở hữu tâm, Sắc pháp, Níp-bàn) cũng là cốt lõi của giáo pháp trong Phật giáo suốt 7 ngày. Trong lúc suy xét về vấn đề của nhân, vấn đề của duyên trong pháp siêu lý cho đến bộ Vị Trí (Paṭṭhāna) đó thì từ nơi thân Ngài xuất hiện hào quang 6 màu. Có màu xanh, màu đỏ, màu vàng, màu cam, màu trắng và màu chiếu sáng giống như pha lê tỏa ra từ thân Ngài thật kì diệu.

Trong thời điểm sáu mùa an cư đầu tiên truyền bá giáo pháp, Đức Phật chưa truyền dạy Vô Tỷ Pháp cho người nào. Bởi vì Vô Tỷ Pháp là pháp liên quan với pháp siêu lý khó mà giải thích cho hiểu được một cách dễ dàng. Người đón nhận ý nghĩa của Vô Tỷ Pháp đó phải là người hợp với đức tin. Trong vấn đề này, một phần đó là chắc chắn và đã từng trau dồi pháp độ liên quan đến trí tuệ. Ở thời gian trước trong lúc bắt đầu truyền đạo, phần lớn là người chưa có đức tin và ít có

sự tin cậy trong Phật giáo, chưa sẵn sàng tiếp thu lời dạy liên quan đến pháp siêu lý, là pháp sâu xa vi tế đó. Vì thế, Ngài chưa trình bày cho biết bởi vì nếu trình bày rồi sự nghi ngờ không hiểu hay sự không tin tưởng khởi sanh rồi cũng sẽ là nhân phát sanh sự xem thường, xúc phạm đến Vô Tỷ Pháp. Do vậy sẽ cho quả xấu nhiều hơn là cho quả tốt.

Qua đến mùa an cư thứ bảy là lần đầu tiên Đức Phật trình bày Vô Tỷ Pháp. Ngài ngự lên nhập hạ ở cõi trời Đao Lợi (Tāvātimsa) để trả ân đức cho mẫu thân bằng cách thuyết giảng Vô Tỷ Pháp tế độ Phật mẫu, là người đã mất đi từ khi sanh Ngài được bảy ngày và được hóa sanh thành vị Thiên tử trên cõi trời Đâu Suất (Tusita) có tên là Thiên tử Santusita. Trong lần thuyết giảng này, có Chư thiên và Phạm thiên từ mười ngàn thế giới ta bà. Tất cả có số lượng cả trăm ngàn triệu vị thiên vân tập đến nghe pháp bởi có Thiên tử Santusita là nguyên nhân. Tại nơi ấy Đức Phật trình bày Vô Tỷ Pháp cho chư thiên và Phạm thiên theo phương pháp rộng mở chi tiết (Vithāranaya) có nghĩa là trình bày

một cách tỉ mỉ và đã hoàn tất trong suốt thời gian mùa an cư là ba tháng tròn.

Đối với cõi nhân loại, Ngài thuyết giảng pháp này lần đầu tiên cho Trưởng lão Sāriputta. Có nghĩa là trong cùng một lúc đang thuyết pháp ở cõi trời Đao Lợi thì Ngài cũng thuyết pháp cho Trưởng lão Sāriputta vừa đủ thời gian đi khất thực của Ngài. Ngài dùng song thông tạo ra một hóa thân Phật để thuyết pháp thay thế cho Ngài. Trong lúc đó, Ngài đi khất thực ở xứ Bắc Cưu Lô Châu. Khi đã khất thực xong, Ngài ngự đến rừng cây Candana ở trong khu vực rừng Tuyết Sơn gần hồ Anotatta để độ vật thực bởi có Trưởng lão Sāriputta phục vụ mỗi ngày. Sau khi đã độ xong vật thực rồi, Đức Phật cũng tóm tắt những ý chính của Vô Tỷ Pháp mà ngài đã thuyết cho Chư thiên và Phạm thiên cho Trưởng lão Sāriputta nghe mỗi ngày. **(Đức Phật thuyết giảng cho Trưởng lão Sāriputta những điều cơ bản một cách ngắn gọn là trình bày chi tiết ngắn gọn)**. Xong rồi Ngài quay về cõi trời Đao Lợi để thuyết pháp tiếp tục và Ngài làm công việc như vậy

mỗi ngày suốt ba tháng an cư. Khi sự thuyết giảng Vô Tỷ Pháp trên cõi Chư thiên kết thúc thì sự thuyết giảng Vô Tỷ Pháp cho Trưởng lão Sāriputta cũng kết thúc cùng lúc đó. Khi Ngài thuyết xong Vô Tỷ Pháp cho Chư thiên và Phạm thiên thì tám trăm triệu Chư thiên chứng quả và Thiên tử Santusita (Phật Mẫu) cũng được chứng quả Dự lưu.

Khi Trưởng lão Sāriputta được nghe Vô Tỷ Pháp từ Đức Phật rồi cũng hướng dẫn và truyền dạy lại cho năm trăm vị Tỳ-khưu là đệ tử của Ngài bằng những lời dạy của Đức Phật mỗi ngày và cũng kết thúc trong 3 tháng giống nhau. Việc dạy Vô Tỷ Pháp của Trưởng lão Sāriputta thuyết giảng cho năm trăm vị Tỳ-khưu này là lời dạy không quá ngắn gọn và không quá dài dòng (Nātivitthāranatisankheppanaya).

Năm trăm vị Tỳ-khưu này đã từng có căn duyên trong tiền kiếp. Ở thời giáo pháp của Đức Phật Kassapa, năm trăm vị Tỳ-khưu này là những con dơi sống nương nhờ trong một hang động. Lúc đó có hai vị Tỳ-khưu thông thuộc Vô Tỷ Pháp cũng nương nhờ ở

trong hàng động đó đang cùng nhau đọc tụng lại Vô Tỷ Pháp. Trong lúc hai vị Tỳ-khưu đang đọc tụng Vô Tỷ Pháp năm trăm con dơi cũng được nghe âm thanh ấy nhưng chỉ biết đó là giáo pháp mà thôi. Tuy chúng không biết ý nghĩa chi cả nhưng chúng cũng chú tâm nghe từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc. Khi hết kiếp sống là những con dơi rồi, chúng cũng được sanh trong cõi Chư thiên đồng đều nhau cả thấy. Cho đến thời kì xuất hiện giáo pháp của Đức Chánh Giác Gotama, họ mới tử ở cõi Chư thiên, rồi tái sanh làm người nhân loại và được xuất gia Tỳ-khưu trong giáo pháp này cho đến khi học được Vô Tỷ Pháp từ Trưởng lão Sāriputta đã thuyết. Rồi từ đó, họ học đi học lại nhiều lần cho ghi nhớ và truyền đạt sự thông hiểu Vô Tỷ Pháp này một cách rõ ràng và rộng rãi về sau.

Sau khi Đức Phật đã Níp-bàn rồi. Ba tháng sau khi đã cúng dường xá lợi, Trưởng lão Kassapa, Trưởng lão Upali, Trưởng lão Ānanda cùng với chư vị A-la-hán vân tập tổng cộng năm trăm vị đều là A-la-hán có Tứ tuệ

phân tích³, Lục thông⁴ và Tam minh⁵ cùng giúp nhau đọc tụng và kết tập Pháp - Luật. Có tất cả tám mươi bốn ngàn pháp uẩn và tán dương Vô Tỷ Pháp là phần Pháp cốt lõi rất quan trọng trong Phật giáo. Việc kết tập lần này có vua Ajātasattu là người ủng hộ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo.

Điều Pháp Lý Hợp Là Gì ?

Sau đó, khoảng năm Phật lịch 1200⁶ có một vị trưởng lão lâu thông Tam tạng. Ngài tên là Trưởng lão Anuruddha. Ngài là người Kāvīlakañci thuộc xứ Mandaraja, miền Nam của nước Ấn Độ. Ngài đến nghiên cứu Vô Tỷ Pháp ở chùa Tamūlasomārāma thuộc thành

³ Tứ tuệ phân tích nghĩa là người thông suốt pháp học có bốn điều là: người hiểu biết thông suốt pháp có thể phân tích và làm rõ được những điều sâu xa vi tế, có khả năng nhạy bén diễn đạt và lời nói làm cho người khác biết và hiểu theo được dễ dàng.

⁴ Lục thông nghĩa là người có sáu thắng trí như là: (1) Thần túc thông, (2) Thiên nhĩ thông, (3) Tha tâm thông, (4) Túc mạng thông, (5) Thiên nhãn thông, (6) Lộ tận thông.

⁵ Tam minh nghĩa là người có ba minh như là: (1) Túc mạng minh, (2) Sanh tử minh, (3) Lộ tận minh.

⁶ Một vài chứng cứ nêu rõ là khoảng năm Phật lịch 1500.

phố Anurāthapurī nước Srilanka cho đến khi thông suốt Pháp học và được nhận được sự tán dương là một vị luận sư Vô Tỷ Pháp. Sau đó, ngài được nhận lời mời từ cận sự nam là thí chủ hỗ trợ soạn tạng Vô Tỷ Pháp, là bộ sách rất chi tiết và sâu xa đã tóm tắt và dễ hiểu, thuận tiện cho việc nghiên cứu cùng với mục đích làm lợi ích cho tất cả những người học Vô Tỷ Pháp trong tương lai. Ngài Anuruddha nương vào bảy bộ Vô Tỷ Pháp làm cơ bản trong phần ngắn gọn Vô Tỷ Pháp và gọi tên bộ này là **Diệu Pháp Lý Hợp**.

Diệu Pháp Lý Hợp chia ra làm Abhi + dhamma + attha + saṅ + gaha.

Abhi = cao tột, vi diệu, vô tỷ.

Dhamma = pháp, trạng thái nắm giữ không có sự sai khác, thay đổi.

Attha = ý nghĩa.

Saṅ = sự rút gọn, tóm tắt.

Gaha = gom lại.

Diệu Pháp Lý Hợp có nghĩa là bộ sách này gom hợp lại những ý nghĩa quan trọng của bảy bộ Vô Tỷ Pháp một

cách tóm gọn giống phương pháp học nhanh Vô Tỷ Pháp chia làm chín chương (chín phần) và mỗi chương có một ý chính theo sự tóm tắt sau đây:

Chương Thứ Nhất – Tâm nhiếp (yếu hiệp)

Trình bày về pháp bản thể của tâm, tất cả các loại tâm theo cách tóm tắt và chi tiết làm cho hiểu được các loại tâm khác nhau như là tâm thiện, tâm bất thiện, tâm quả, tâm tố (duy tác, hạnh) và tâm siêu thế.

Chương Thứ Hai – Sở hữu tâm nhiếp (yếu hiệp)

Trình bày về sở hữu là pháp bản thể hợp với tâm và tạo nên tâm. Có tất cả năm mươi hai trạng thái chia làm sở hữu biến hành, sở hữu biệt cảnh, nhóm sở hữu thiện và nhóm sở hữu bất thiện.

Chương Thứ Ba – Linh tinh nhiếp (yếu hiệp)

Trình bày sự liên quan của tâm và sở hữu với sáu nhóm pháp như là sự cảm thọ của tâm (Thọ), nhân của pháp tốt xấu (Nhân), nhiệm vụ của tâm (Sự), cách thức

nhận biết của tâm (Môn), cái mà tâm biết (Cảnh) và nơi nương của tâm (Vật).

Chương Thứ Tư – Lộ nhiếp (yếu hiệp)

Trình bày về lộ trình tâm như là trình tự, cách thức làm việc của tâm. Như là phát sanh lộ nhãn, lộ nhĩ, lộ tỷ, lộ thiệt, lộ thân và lộ ý. Khi được nghiên cứu chương này rồi sẽ làm cho hiểu biết được lộ trình làm việc của tất cả các loại tâm. Phước tội không sanh ở đâu mà sanh ở lộ tâm. Chính cái tâm trước đó sẽ sanh tâm thiện hay bất thiện. Chỉ có một sát-na tâm sanh trước mở cửa cho sanh tâm thiện hay bất thiện. Cái tâm này liên quan đến việc tác ý khéo (yonisomanasikāra) hay tác ý không khéo (ayonisomanasikāra). Nếu chúng ta hiểu được cũng sẽ có lợi ích trong sự ngăn ngừa sanh khởi các tâm bất thiện.

Chương Thứ Năm – Chương ngoại lộ

Trình bày sự làm việc của tâm lúc cận tử, lúc tử (cuti) và lúc tái tục (paṭisandhi). Còn nói đến nguyên nhân của sự tử, sự tái tục của chúng sanh trong các cõi mà chia ra làm ba mươi một cõi (cõi nhân loại chỉ là một trong ba mươi một cõi mà thôi). Thời gian cận tử trạng thái tâm như thế nào? Nên tác ý tâm như thế nào sẽ được sanh trong nhân cảnh? Đức Phật còn giải thích một điều rõ ràng là tử rồi sẽ tái sanh lập tức không phải chết rồi mà thức (Tâm) lang thang để đi tìm kiếp sống mới và Ngài còn giải thích thêm là vấn đề của nghiệp được sắp xếp theo sự trở quả của nghiệp là một điều sâu xa vi tế.

Chương Thứ Sáu – Sắc nhiếp (yếu hiệp)

Khi đã nghiên cứu các vấn đề về tâm và sở hữu tâm thuộc phần danh pháp rồi. Trong chương sáu này, ngài Anuruddha trình bày một phần kết hợp quan trọng nữa của con người và của tất cả đời sống đó cũng là vấn đề của sắc thân (Sắc Pháp) bằng sự chia chẻ tỉ mỉ ra thành các loại sắc khác nhau. Có tất cả hai mươi tám loại và

giải thích nguyên nhân (Hetu) trong sự sanh khởi các loại sắc đó là điều vi tế cao siêu.

Trong phần cuối của chương này nói về Níp-bàn có trạng thái như thế nào? Sẽ làm cho hiểu được vấn đề của Níp-bàn một cách đúng đắn, rõ ràng.

Chương Thứ Bảy - Tương tập nhiếp

Khi nghiên cứu pháp siêu lý là Tâm, Sở Hữu Tâm, Sắc Pháp, Níp-bàn từ chương thứ nhất đến chương thứ sáu rồi. Trong chương này sẽ trình bày pháp theo nhóm thiện mà cho quả an vui và pháp theo nhóm bất thiện mà cho quả khổ. Trong thực tính như thật tâm thiện (tâm tốt) hay tâm bất thiện (tâm xấu) sẽ sanh luân phiên thay đổi nhau ở mọi lúc. Phần tâm sẽ sanh ân đức nào? Công hạnh nào? Nhiều hay ít vào lúc nào của những người chúng ta nói chung không hiểu và không biết những điều thiện hay bất thiện này sẽ làm cho cuộc sống chúng ta rơi vào trong luân hồi đau khổ, không biết khi nào mới kết thúc. Trong chương thứ bảy này trình bày pháp quan trọng nên biết như là Thủ

Uẩn (uẩn mà bị chấp thủ, cố thủ chấp cứng), Thập Nhị Xứ (điều liên kết để cho biết một cảnh), Thập Bát Giới (pháp bản thể gìn giữ thực tính của mình), Tứ Thánh Đế (sự thật của bậc thánh) và Pháp Bồ Đề Phần (pháp trợ cho giác ngộ, pháp trợ cho thánh đạo) có ba mươi bảy phần là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Quyền, Ngũ Lực, Thất Giác Chi và Bát Chánh Đạo.

Chương Thứ Tám – Duyên nhiếp (yếu hiệp)

Trong chương này Ngài trình bày về vấn đề Liên Quan Tương Sinh (nhân và quả làm cho có vòng sinh tử trong luân hồi) và duyên trợ là hai mươi bốn duyên. Trong phần cuối cũng trình bày ý nghĩa của pháp chế định đó là pháp không phải sự thật nhưng là sự thật theo cách định đặt (tục đế hay khái niệm định đặt) theo một khuôn khổ của con người.

Chương Thứ Chín – Nghiệp xứ

Trong chương này Ngài nói về sự thông thạo của Chỉ nghiệp xứ và Quán nghiệp xứ để cho thấy là Chỉ nghiệp xứ (hay là sự tu định) làm cho tâm phát sanh

sự yên tịnh và phát sanh thẳng trí (sanh các loại thần thông khác nhau) mà không phải là mục đích tối thượng trong Phật giáo. Bởi vì quả của tâm Định hay Chỉ nghiệp xứ đó cũng chỉ là sự trấn áp phiền não nhất thời, không thể làm cho diệt trừ phiền não được. Mặc dù có thể làm cho phát triển Chỉ nghiệp xứ đến bậc thiền vô sắc cho tới khi hưởng sự an lạc ở trong cõi Phạm thiên vô sắc có thời gian dài lâu, nhưng cuối cùng cũng quay về vòng sanh tử không biết đến khi nào mới kết thúc.

Mục đích tối thượng của Phật giáo là Quán nghiệp xứ để cho phát sanh trí tuệ biết bản chất thật trong pháp thực tính theo bản chất thật là tâm, sở hữu tâm và sắc pháp. Đó là chi phần cấu tạo của cuộc sống khác nhau cùng phát sanh lên, trụ và diệt đi, sanh trụ diệt nối tiếp liên tục với nhau một cách nhanh chóng mọi lúc. Đó là trạng thái vô thường không bền vững bởi thực tính ban đầu là không phải ta, không có gì của ta, không có ai là chủ nhân, không thể ép buộc bằng mệnh lệnh được, rỗng không từ sự hình thành

ta, tôi. Trí tuệ mà hiểu biết rõ ràng pháp thực tính đúng như thật cũng như là khi có sức lực (trí tuệ) vững chắc cũng sẽ có thể diệt trừ phiền não và cuối cùng là Níp-bàn.

Tụng Vô Tỷ Pháp Trong Nghi Thức Tang Lễ

Mỗi người chúng ta chắc chắn sẽ gặp từ “*tụng Vô Tỷ Pháp*” hay “*tổ chức tang lễ tụng Vô Tỷ Pháp*” trong bản phân ưu hay trong một bìa báo để mời cùng làm việc thiện. Nhưng mà những vị thường tụng Vô Tỷ Pháp cho những người đã mất. Khi những vị ấy đọc tới phần Vô Tỷ Pháp này, chắc rằng có hiểu rõ ý nghĩa là gì không?

Theo chứng cứ của những vị hiểu biết nói rằng việc đem Vô Tỷ Pháp tụng đọc trong tang lễ của Phật tử Thái Lan đã có từ thời Krungsri Ayutthaya và các ngài đã cho thấy rằng việc đọc tụng đó là việc thiện trong tang lễ để hồi hướng cho những người đã mất đó liên hệ đến sự thương yêu, lòng biết ơn đến người đã mất, đã an giấc nghìn thu. Phật tử Thái Lan đã đem bộ Vô Tỷ Pháp vào

kết nối với truyền thống và điều đó đã được thiết lập một cách chắc chắn bởi những lí do sau đây:

Điều đầu tiên là bởi vì Vô Tỷ Pháp không nói đến chúng sanh, không nói đến người, không nói thân ta, chúng ta hay là anh ấy nhưng lại phân chia ra là thiện (kusala), bất thiện (akusala) và vô kí (abyākatā là pháp phi thiện và phi bất thiện) hay phân chia sắc thân này là nhóm, bọn, Uẩn có năm phần, Xứ có mười hai phần, Giới có mười tám phần, Quyền có hai mươi hai phần. Những pháp này diễn tiến theo nhân theo duyên mà dần dần diệt mất theo thực tính có thể an trụ lâu dài. Việc được nghe Vô Tỷ Pháp sẽ làm cho người nghe cung kính theo giống như sự ra đi của người đã mất, làm cho thấy pháp thực tính là sự thật của mạng sống. Học giả xưa chắc chắn cho rằng trong việc này là cơ hội tốt cho người nghe và người thực hành việc thiện trong tang lễ sẽ có thể suy xét thấy sự thật của cuộc đời một cách dễ dàng. Vì vậy, ta nên trình bày cho họ nghe.

Một điều nữa là bởi vì cho rằng trong sự trả ơn cho Phật mẫu của Đức Thế Tôn. Ngài đã ngự lên thuyết

Vô Tỷ Pháp là bài pháp trên cung trời Đao Lợi để tế độ Phật mẫu là người đã quá cố. Vì vậy, khi ân nhân như là cha mẹ đến vun trồng việc thiện, các nhà hiền trí đã đưa Vô Tỷ Pháp vào kết nối với cách thực hành việc thiện cho người đã mất bởi cho rằng đây là sự đáp trả công ơn cha mẹ theo cách liên hệ đến thiện hạnh, phận sự của Đức Phật, dù rằng những người đã mất không phải là cha hay mẹ. Cũng vậy, mang Vô Tỷ Pháp đến đọc tụng trong tang lễ cũng đã là truyền thống rồi.

Điều cuối cùng là bởi vì tin rằng Vô Tỷ Pháp là lời dạy của bậc Vô Thượng Sĩ có ý nghĩa vi tế, sâu xa có liên quan đến pháp siêu lý. Nếu đem vào trình bày trong việc thực hành việc thiện đến cho người đã mất thì người đã mất sẽ được phước báu vô lượng.

Cách tụng đọc Vô Tỷ Pháp cũng là đem những đoạn Pāli ngắn gọn, quan trọng xếp theo tuần tự trong mỗi bộ của bảy bộ Vô Tỷ Pháp. Đôi lúc cách đọc tụng Vô Tỷ Pháp này còn gọi là tụng đầu đề. Nếu là tang lễ của người quan trọng trong hoàng gia thì gọi là 'cách nghe

bộ sách'. Sai lệch đến từ câu 'sattapakarana', nghĩa là bảy bộ Vô Tỷ Pháp đó (satta = bảy, pakarana = bộ).

Sau đó, có người hiểu biết đem câu kệ ngôn trong Diệu Pháp Lý Hợp (Abhidhammatthasaṅgaha) của ngài Anuruddha đến tụng theo cách ngâm kệ (là sự tụng theo nhịp ngắn - dài) gọi là tụng tóm tắt. Bởi đem từ ngữ Pāli trong phần đầu và phần cuối của mỗi chương mà có tất cả chín chương xếp cùng nhau để tụng.

Lợi Ích Từ Việc Nghiên Cứu Vô Tỷ Pháp

Lợi ích sẽ nhận được từ việc nghiên cứu học hỏi Vô Tỷ Pháp có vô số và nhiều phần lợi ích sẽ được tóm gọn sau đây:

1. Việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp sẽ làm cho chúng ta đi vào phần tinh hoa cốt lõi của Đạo Phật. Bởi vì Vô Tỷ Pháp sanh khởi từ trí tuệ Toàn Tri của Đức Phật. Việc đi vào Vô Tỷ Pháp sẽ giống như đi vào trí tuệ của Đức Phật. Đó là điều thật sự.

2. Việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp cũng là nghiên cứu pháp bản thể tự nhiên, vận hành của thân và tâm mà là pháp tự nhiên ở trong thân ta và tất cả chúng sanh để cho sanh khởi sự biết thấu hiểu, liên quan đến phần tâm (thức), phần sở hữu tâm phần năng lực của tâm, phần lộ trình tâm, phần nghiệp và sự trở quả của nghiệp, phần vòng luân hồi sanh tử, phần chúng sanh trong nhiều cõi khác nhau và phần cơ cấu sự vận hành của phiền não làm cho biết rằng cuộc sống của chúng ta trong kiếp hiện tại này đến từ đâu và đến như thế nào? Có cái gì là nhân? Có cái gì là duyên? Khi đã biết được câu trả lời rõ ràng rồi, ta cũng sẽ biết là chết rồi đi đâu và đi như thế nào? Cái gì là thân nối với nhau giữ kiếp này với kiếp sau và làm cho hết nghi ngờ là chết rồi sanh nữa hay không? Địa ngục, cõi trời có thật hay không? Làm cho có sự thấu hiểu phần nghiệp và sự trở quả của nghiệp (Quả) là điều vi tế sâu sắc.
3. Người nghiên cứu Vô Tỷ Pháp sẽ hiểu được vấn đề của pháp siêu lý hay thực tính pháp là đúng theo sự thật

của pháp bản thể. Trong Vô Tỷ Pháp sẽ chia trạng thái ra cho thấy là tất cả mọi điều không phải là ta, không phải chúng sanh, không phải người, vậy tất cả là gì? Chắc chắn chỉ có pháp thực tính là tâm, sở hữu, sắc pháp là luân hồi trong sự sanh, già, đau, chết bởi nương nhân, nương duyên giúp đỡ lẫn nhau sanh lên rồi diệt mất, mới sanh lên và rồi cũng diệt mất nữa. Có trạng thái sanh diệt như vậy mọi lúc mọi nơi vô lượng kiếp, không biết bao nhiêu trăm kiếp, triệu kiếp đến rồi tiếp nối nhau như vậy không biết bao giờ mới kết thúc. Dù như thế ai sẽ biết hay không biết cũng vậy, ba pháp thực tính này cũng làm việc như vậy, bởi không có thời gian dừng lại nghỉ ngơi. Pháp thực tính hay pháp bản thể này không phải sanh lên từ thượng đế, phạm thiên, vua trời hay một đấng thiêng liêng nào, hoặc là đấng ban phước hay đấng sáng tạo. Nhưng thực tính pháp đó là quả đến từ nhân, nghĩa là phiền não Ái đó chính là người sáng tạo.

4. Việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp sẽ làm cho hiểu được pháp thực tính. Một điều nữa là mục đích cao thượng

trong Phật giáo cần tu tập làm cho đắc chứng Níp-bàn. Níp-bàn nghĩa là thoát ra khỏi phiền não Ái. Người không có phiền não Ái đó rồi, khi mạng sống chấm dứt cũng sẽ không có sự tiếp nối của tâm, sở hữu và sắc pháp nữa. Khi không có sự tiếp nối đời sống nữa thì chấm dứt vòng luân hồi sanh tử, thoát khỏi tất cả sự khổ một cách hoàn toàn. Níp-bàn là pháp bản thể không có phiền não Ái, là pháp bản thể đã diệt khổ hoàn toàn và là pháp bản thể sanh ra khối năm uẩn. Níp-bàn không phải là chốn Cực Lạc bất diệt và chất đầy với những sự an lạc luôn luôn trường cửu theo thời gian mà phần lớn người ta hiểu như vậy.

5. Việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp làm cho ta hiểu được lời dạy có ân đức cao thượng trong Đạo Phật bởi vì sự bố thí, trì giới và phát triển thiền định cũng vẫn không phải lời dạy cao thượng nhất trong Đạo Phật, vì nhân đó cho sanh lên để nhận quả thiện đó nữa. Các Ngài gọi là thiện luân hồi bởi vì thiện đó không làm cho thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử. Lời dạy cao thượng nhất trong Phật Giáo là thực hành Minh Sát

(Vipassanā) nghiệp xử theo bốn đại niệm xử để cho thấy là tất cả danh pháp (Tâm + Sở Hữu Tâm) và Sắc Pháp (Sắc) có trạng thái vô thường, không lâu bền, không phải ta, ép buộc theo mệnh lệnh cũng không được, có sự sanh diệt mọi lúc. Để đi tìm sự bền vững nơi ta, hay chủ nhân cũng không có. Khi có trí tuệ thấy như thật trong thực tính pháp đúng theo sự thật đó rồi cũng sẽ dẫn đến sự diệt tận phiền não và chứng đắc Níp-bàn tối thượng.

6. Việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp sẽ làm cho hiểu được vấn đề cảnh của Minh Sát Tuệ mà cần có danh pháp (Tâm và Sở Hữu Tâm) và Sắc Pháp (Sắc) là cảnh. Khi quán sát cảnh trong tu tập quán nghiệp xử (Vipassanā). Việc tu tập dĩ nhiên cũng cho quả theo sự mong muốn.
7. Việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp là sự tích góp (bổ sung) pháp độ một cách cao thượng nhất. Không có sự học hỏi, nghiên cứu nào trong thế gian này mà có thể làm cho phát sanh trí tuệ biết được sự thật cõi đời này bằng việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp.

8. Việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp là cách giúp nhau gìn giữ, duy trì những lời dạy cơ bản của Đức Phật để cho hàng hậu học mai sau. Và cũng là cách giúp duy trì Phật giáo cho kiên cố, bền vững mãi mãi.

—————((()))—————

VÔ TỶ PHÁP LÀ PHẬT NGÔN

Lời Tỳ Hỷ

Phật giáo được truyền bá từ hai thiên niên kỷ trong các xứ quốc giáo, giống như các xứ chùa tháp, là sự vinh quang và tràn đầy những ân đức cao thượng trong tâm tâm người Phật tử, người muốn lợi ích cho mình và lợi ích cho người. Nhưng tháp cổ này ắt hẳn sẽ hư hoại theo thời gian thuận theo lý vô thường. Sự suy đồi, hư hại của chánh pháp mà nguyên nhân là do nhiều sự “cải tiến” chánh pháp.

Sự “cải tiến” chánh pháp muốn nói đến nguyên nhân không nghiên cứu học hỏi Pāli và Vô Tỷ Pháp là điều rõ ràng nhất. Vì vậy, khi thảo luận theo ý kiến của cá nhân, thì không làm cho đi đến kết luận là ý kiến của ai đúng, giống cuộc tranh luận của ba hoàng tử dòng Sakya là hoàng tử Kimbila, hoàng tử Bhaddiya và hoàng tử Anuruddha trong thời Đức Phật còn tại thế. Ngày thứ nhất, cả ba hoàng tử tranh luận với nhau rằng “Cơm

sinh từ đâu?”. Hoàng tử Kimbila nói rằng “Cơm sinh từ vựa thóc”, hoàng tử Bhaddiya nói rằng “Cơm sinh từ cái nồi” còn hoàng tử Anuruddha nói rằng “Cơm sinh từ mâm vàng”. Ý kiến của những hoàng tử đó, mỗi người khác nhau theo kinh nghiệm của mình là thấy cơm ở nơi nào thì nói là ở nơi đó.

Bởi lý do này, việc biên soạn bộ sách “Vô Tỷ Pháp Là Phật Ngôn” là để giúp cho việc học hỏi, nghiên cứu và giúp kéo dài tuổi thọ của Phật giáo được trường tồn, giống như việc phục hồi phần hư hại bị xâm thực của bảo tháp và được cho là đại thiện cao thượng hơn việc xây dựng những công đức khác trong Phật giáo như là xây chánh điện hay chùa và tô tượng, v.v. Bởi vì tượng Phật không thể dạy ai được, nhưng giáo pháp mà Bạc Đạo Sư đã thuyết giảng có thể dẫn dắt chúng sanh thoát khổ được, chính xác như Phật ngôn sau đây:

“Siyā kho panānanda, tumhākaṃ evamassa – ‘atītasatthukaṃ pāvacaṇaṃ, natthi no satthā’ti. Na kho panetaṃ, ānanda, evaṃ daṭṭhabbaṃ. Yo vo, ānanda, mayā

dhammo ca vinayo ca desito paññatto, so vo mamaccayena satthā".

"Này Ānanda, nếu trong các người có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". Này Ānanda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ānanda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người".⁷

Dù đức vua Ajātasattu đã thực hiện việc giết cha được xếp vào vô gián nghiệp là một loại nghiệp cho quả đọa vào địa ngục A-Tỳ vô số kiếp đến nỗi đếm không chính xác là bao nhiêu. Nhưng Ngài đã hộ trợ đại hội kết tập Tam tạng lần thứ nhất tại hang động Sattapaṇṇa ở thành Vương Xá. Quả báo từ việc ủng hộ lần này cho Ngài thoát khỏi địa ngục A-Tỳ mà chỉ rơi vào địa ngục Đồng Sôi là địa ngục cạn hơn. Ngài bị đọa khoảng 60.000 năm rồi sẽ giác ngộ thành Phật Độc Giác.

Như vậy, nên thấy rằng việc tuyên dương giáo pháp có nhiều quả phúc to lớn, người làm tội nhiều

⁷Trường bộ kinh – Kinh Đại Níp-bàn – Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

nhận quả khổ nhẹ hơn, người làm phước ít sẽ được lên cõi trời cao, còn người làm phước nhiều sẽ đạt được sự an lạc, tiến hóa trong lúc luân chuyển trong vòng luân hồi, như Ngài vua sãi To Brammaraṅsī nói rằng:

“Việc làm cho tuổi thọ giáo pháp càng thêm trường tồn là việc làm phước thiện to lớn, người bị đọa sâu vào địa ngục thì sẽ giảm nhẹ phần nào, người rơi vào địa ngục thấp sẽ được lên cõi trời; người lên cõi trời rồi nếu ở cõi trời thấp sẽ được lên cõi cao hơn. Chúng ta nên nhớ rằng, việc xiển dương, hộ trì giáo pháp này sẽ giúp cho chúng ta không bị sa đọa vào cõi thấp trong lúc sanh tử của vòng luân hồi cho đến khi thật sự đạt được mục đích giải thoát”.

Xin chia quả phước thanh cao của thí chủ trong việc soạn quyển sách này cho việc truyền bá để hiểu lời Đức Phật dạy, xin cho tất cả các Ngài có thân tâm thường lạc và gặp sự tiến hóa trong giáo pháp của bậc Thánh nhân.

Mahāthera DhammĀnanda
Chùa Thamao tỉnh LamPang

Vô Tỷ Pháp là Phật Ngôn

Lời dạy của Đức Phật trong suốt bốn mươi lăm mùa an cư được gọi là Phật Ngôn, được kết tập và lưu giữ lại trong Tam tạng. Đó là Tạng Luật, Tạng Kinh và Tạng Vô Tỷ Pháp. Mà có thể tóm tắt ngắn gọn thành hai nhóm là Pháp và Luật. Ý nghĩa Pháp nói đến là Kinh (Tạng Kinh) và Vô Tỷ Pháp (Tạng Vô Tỷ Pháp) phần Luật là Tạng Luật.

Ý Nghĩa Của Vô Tỷ Pháp

Danh từ Vô Tỷ Pháp có ý nghĩa theo từ ngữ là Pháp cao tột, Pháp đặc biệt mà được dịch là Vô Tỷ Pháp, là pháp cao tột và đặc biệt hơn Kinh nghĩa là Vô Tỷ Pháp nói đến nền tảng Pháp chi tiết, tỉ mỉ và đầy đủ hơn Kinh. Nguyên nhân bởi vì Kinh là pháp mà Đức Phật thuyết giảng trình bày theo khả năng (cơ tánh) người nghe. Vì thế không có đề cập trình bày Uẩn, Xứ và Giới, v.v. một cách đầy đủ trong Kinh và tất cả những bài Kinh. Nhưng chỉ trình bày phần thích hợp với người nghe trong mỗi cơ hội (dị) sẽ thấy được là một vài Kinh có kệ ngôn, có

chương 1 câu kệ, có chương 2 câu kệ, có chương 3 câu kệ theo sự thích hợp.

Trong phần này, xin dẫn ra năm Uẩn có dạy trong Kinh để trình bày một điều là:

"Này các Tỳ khuru 5 uẩn là gì? Phàm có sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; đây gọi là sắc uẩn.

Này các Tỳ khuru, phàm có thọ gì... phàm có tưởng gì... phàm có các hành gì...

Này các Tỳ khuru, phàm có thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; đây gọi là thức uẩn"⁸.

Còn trong Vô Tỷ Pháp, Đức Phật chỉ nhấn mạnh đến tất cả trạng thái Pháp bởi vì không liên quan đến người hay nguyên nhân sự việc. Vì vậy không có ám chỉ đến người, nam giới, nữ giới hay động vật, v.v.

⁸ Kinh Tương Ưng - Chương 1 Tương Ưng Uẩn - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

giống trong Luật và Kinh nhưng sẽ sử dụng những từ nêu chỉ rõ đến trạng thái Pháp. Ví dụ: Tâm, Xúc, Thọ, Tưởng .v.v... Những từ sử dụng trong Luật và Kinh giống như những từ dùng để thông tin chung với nhau, ví dụ như là “Nước”. Còn trong Vô Tỷ Pháp là những từ ngữ đặc biệt (riêng biệt) cũng như gọi nước là “H₂O” theo thực tính ban đầu. Vì thế, trong Vô Tỷ Pháp, Đức Phật cũng phân chia Uẩn, Xứ và các loại khác nhau có tất cả 3 phần là:

1. Phương pháp phân tích theo Kinh tức là điều phân chia theo kinh, mới có đoạn kinh là:

Ngũ uẩn: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

"Sắc uẩn đó ra sao?"

Mỗi thứ sắc nào như là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, sắc thô, sắc tế, sắc tốt, sắc xấu, sắc gần hoặc sắc xa gồm chung lại một cho dón gọn. Đây gọi là sắc uẩn.

Sắc quá khứ đó ra sao?

Những sắc nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bật, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc quá khứ"⁹.

2. Phương pháp phân tích theo Vô Tỷ Pháp tức là điều phân chia theo Vô Tỷ Pháp, mới có đoạn nói như sau:

"Sắc uẩn phân phần thành một như là tất cả sắc pháp thành phi nhân, thành vô nhân, thành bất tương ưng nhân, thành hữu duyên, thành hữu vi, thành sắc, thành hiệp thể, thành hữu lậu, thành cảnh triền, thành cảnh phược, thành cảnh bộc, thành cảnh phối, thành cảnh cái, thành cảnh khinh thị, thành cảnh thủ, thành cảnh phiền não, thành vô ký, thành cảnh vô tri, thành phi sở hữu, thành bất tương ưng tâm, thành pháp phi dị thực

⁹ Vô Tỷ Pháp - Bộ Phân Tích Uẩn Phân Tích Theo Kinh - Việt dịch: HT Tịnh Sự.

quả phi dị thực nhân, thành phi phiền toái cảnh phiền
 não, thành phi hữu tầm hữu tứ, thành phi vô tầm hữu tứ,
 thành vô tầm vô tứ, thành phi đồng sanh (pháp) hỷ, thành
 phi đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh xả, chẳng phải
 pháp sơ đạo hay ba đạo cao tuyệt trừ, chẳng phải pháp
 hữu nhân sơ đạo hay ba đạo cao tuyệt trừ, phi nhân sanh
 tử, phi nhân đến Níp-bàn, phi hữu học phi vô học, cũng
 thành hy thiếu, thành Dục giới, phi Sắc giới, phi Vô sắc
 giới, liên quan luân hồi, chẳng phải không liên quan luân
 hồi, cũng thành bất định, thành phi nhân xuất luân hồi,
 thành sanh tồn, lục thức biết đặng, bị vô thường, bị lão ép
 uổng. Sắc uẩn phân phần thành một bằng cách như thế.

Sắc uẩn phân phần thành hai như là sắc thủ, sắc phi
 thủ, sắc do thủ, sắc phi do thủ, sắc thủ cảnh thủ, sắc phi
 do thủ cảnh thủ, sắc kiến, sắc bất kiến, sắc hữu đối chiếu,
 sắc vô đối chiếu, sắc quyền, sắc phi quyền, sắc đại sung,
 sắc phi đại sung, sắc biểu tri, sắc phi biểu tri, sắc y tâm,
 sắc bất y tâm, sắc đồng còn với tâm, sắc không đồng còn
 với tâm, sắc từng hành với tâm, sắc không từng hành với
 tâm, sắc nội phần, sắc ngoại phần, sắc thô, sắc tế, sắc viễn,

sắc cận, sắc đoàn thực, sắc phi đoàn thực. Sắc uẩn phân phần làm hai bằng cách như thế.

Sắc uẩn phân phần thành ba như là sắc nội thành thủ, sắc ngoại thành thủ, sắc ngoại phi thủ, sắc nội do thủ, sắc ngoại do thủ, sắc ngoại bất do thủ, sắc nội do thủ cảnh thủ, sắc ngoại do thủ cảnh thủ, sắc ngoại bất do thủ cảnh thủ... sắc nội đoàn thực, sắc ngoại đoàn thực, sắc ngoại phi đoàn thực. Sắc uẩn phân phần thành ba như thế...."¹⁰

3. Phương pháp vấn đáp là cách hỏi - trả lời, do vậy có đoạn nói là:

"Ngũ uẩn như là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Ngũ uẩn mà uẩn nào thành thiện, uẩn nào thành bất thiện, uẩn nào thành vô ký,..."¹¹.

¹⁰ Vô Tỷ Pháp - Bộ Phân Tích Uẩn Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp - Việt dịch: HT Tịnh Sự.

¹¹ Vô Tỷ Pháp - Bộ Phân Tích Uẩn Phân Tích phần vấn đáp- Việt dịch: HT Tịnh Sự.

Nền tảng pháp có thể được ví với thuốc pha chế lên khác nhau là Kinh và Vô Tỷ Pháp. Kinh sẽ giống như thuốc đặc trị có công dụng trị liệu mỗi bệnh riêng biệt, Bệnh theo triệu chứng của người bệnh đến gặp thầy thuốc. Còn phần Vô Tỷ Pháp giống như thuốc trị đa bệnh có công thức cấu tạo đặc biệt kết hợp với đủ những chất, chế biến lên để trị được tất cả các bệnh, với mọi người, với mọi trường hợp. Việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp sẽ có lợi ích làm cho hiểu Kinh được rõ ràng, đúng đắn theo pháp thực tính. Vì vậy, việc nghiên cứu Vô Tỷ Pháp giúp có lợi ích làm cho hiểu Kinh theo thực tính pháp là điều như thật.

Sự Hình Thành Của Abhidhamma - Vô Tỷ Pháp

Tạng Vô Tỷ Pháp nói tới trạng thái một cách sâu xa, vi tế dù sẽ giải thích trạng thái pháp như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký v.v. cùng với phương pháp chỉ từ một Bộ Pháp Tụ cũng vẫn không đầy đủ nên mới giải thích cùng cách thức từ bộ Phân Tích, Chất Ngũ, Nhân Chế Định, Ngũ Tông, Song Đối, Vị Trí mới đầy đủ mà cần phải có thời gian lâu. Nhưng con

người nói chung không thể ngồi nghe pháp được trình bày liên quan, liên tục với nhau suốt 3 tháng được. Tất cả mỗi người có sự huân tập cơ tánh khác nhau. Một vài người có thể đã từng học hỏi Vô Tỷ Pháp ở tiền kiếp, và cũng có vài người chưa từng học hỏi trước. Vì vậy, Đức Phật không thuyết giảng Vô Tỷ Pháp ở cõi người. Sự thật thì 3 tháng của cõi người này đem so với thời gian trong cõi chư thiên Đao Lợi, khoảng thời gian không là bao nhiêu. Bởi vì thời gian một ngày trong cõi Đao Lợi ngang với 100 năm của cõi Nhân loại.

Theo chứng cứ phát hiện trong bộ chú giải, Đức Phật ngự lên cõi trời Đao Lợi vào mùa an cư thứ bảy nhằm ngày mừng một hạ quyền tháng sáu, Đức Phật ngự trên tảng đá pandukambala của vua trời Đế Thích (Sakka) để trình bày Vô Tỷ Pháp tế độ thiên tử Santusita mà quá khứ từng là Phật mẫu cùng với chư thiên đến hội họp nhau từ mười ngàn thế giới ta bà suốt ba tháng an cư tại Diệu Pháp Đường trong cõi Đao Lợi đó, rồi Ngài ngự đi xuống cõi trời Đao Lợi đến thành Saṅkassa trong tháng 11. Việc ngự tới tế độ Phật

mẫu trên cõi trời Đao Lợi rồi ngự xuống thành Saṅkassa này là tục lệ của tất cả chư Phật. Dù như thế, chư Phật khác như là: Dipaṅkara, Maṅgala, Sobhita, Dhammadassī, Kassapa cũng có thực hiện công việc này. Câu chuyện này có gặp trong bộ Phật sử liên quan đến chư Phật đó.

Trong lúc Đức Phật ngự trong cõi trời Đao Lợi đôi lúc cần sự nuôi dưỡng cơ thể như độ vật thực, nghỉ ngơi, Đức Phật cũng tạo ra một hóa Phật khác nữa đến thuyết pháp thay thế Ngài. Còn phần Ngài ngự đi khất thực ở xứ Bắc Câu Lô Châu rồi quay về độ vật thực ở hồ Anotatta. Khi xong rồi, Ngài thuyết giảng Vô Tỷ Pháp lại cho trưởng lão Sāriputta đến phục vụ mỗi ngày bằng cách tóm tắt, ngắn gọn. Khi trưởng lão Sāriputta nghe rồi đem truyền dạy cho 500 vị Tỷ-khuru không quá ngắn gọn mà cũng không quá dài dòng. Bởi vì tạng Vô Tỷ Pháp, 6 bộ trong hiện tại trừ bộ Ngũ Tông, được truyền khẩu lời dạy của trưởng lão Sāriputta. Còn bộ Ngũ Tông là bộ sách do ngài Moggālīputtātissa (Mục Kiền Liên Đế Tu) biên soạn vào thời gian Phật lịch 235

theo đầu đề mà Phật thuyết giảng bằng cách tóm gọn. Vì thế, cũng chấp nhận cả Ngài Sāriputta và ngài Moggālīputtatisa đều được học Vô Tỷ Pháp theo cách mà Đức Phật đã thuyết giảng. Tạng Vô tỷ Pháp là do sự ghi nhớ bằng cách truyền khẩu lời dạy của hai vị trưởng lão đó. Bởi có lời dạy của Ngài Sāriputta là chủ yếu cũng giống với Phật ngôn vậy.

Sẽ thấy là Vô Tỷ Pháp có từ thời Đức Phật. Nếu Vô Tỷ Pháp là kinh điển được biên soạn ở thời điểm sau này thì Phật ngôn chỉ nên có hai tạng và có không tới 84.000 pháp uẩn như trưởng lão Ānanda có nói rằng, Ngài được học Phật ngôn 82.000 pháp uẩn từ Đức Phật và học 2000 pháp uẩn từ các vị khác như Trưởng lão kệ, trưởng lão Ni kệ và Thánh nhân ký sự bởi đúng như thật. Tạng Luật có 21.000 pháp uẩn; tạng Kinh có 21.000 pháp uẩn, trong số lượng này giữ những lời của Trưởng lão và Trưởng lão Ni trong thời Đức Phật là 2 000 pháp uẩn. Còn phần Vô Tỷ Pháp có 42 000 pháp uẩn. Dù như vậy, Ngài Ānanda học Vô Tỷ Pháp từ ngài Sāriputta cũng là sự thừa kế từ lời dạy của Đức Phật.

Bởi vì Vô Tỷ Pháp là lãnh vực trí tuệ của bậc Toàn giác, và Ngài Sārīputta cũng học từ Đức Phật nữa.

Bởi những nguyên nhân đã nói trên, Vô Tỷ Pháp được sắp xếp là Phật ngôn là điều như thật và được sắp xếp thành một tạng, gọi là Tạng Vô Tỷ Pháp.

Những Câu Chuyện Liên Quan Đến Vô Tỷ Pháp Gặp Trong Kinh Và Luật

Các vị Giáo Thọ là người giữ gìn và bảo vệ Phật pháp như là các nhà chú giải và nhà phụ chú giải. Tất cả các Ngài đã có cái nhìn đúng đắn hơn 2000 năm rồi. Vô Tỷ Pháp là Phật ngôn, Nguyên nhân bởi vì việc mà Đức Phật thuyết dạy Vô Tỷ Pháp trong cõi trời Đao Lợi cũng có trong Kinh và có những điều nói rằng Vô Tỷ Pháp là Kinh điển học tập của chư Tỳ-khưu và Tỳ-khưu Ni giống Kinh và Luật xuất hiện ở trong Tạng Kinh và Tạng Luật, mà có thể nêu lên làm ví dụ sau đây.

Trong bộ Thánh Nhân Ký Sự, Ngài Upālī nói lời ca ngợi Đức Phật có những điều liên quan đến Vô Tỷ Pháp là:

*"Suttantaṃ abhidhammañca, vinayañcāpi kevalaṃ;
Navaṅgaṃ buddhavacanaṃ, esā dhammasabhā tava"*

"Toàn bộ Kinh, Vi Diệu Pháp, và luôn cả Luật là lời dạy của Đức Phật gồm có chín thể loại, đây là phòng hội về giáo pháp của Ngài"¹²

Ngoài ra đó, Ngài Puññamañṭānīputta đã nói đến việc Ngài là người thông thạo Vô Tỷ Pháp và thường giảng dạy tạng này rằng:

*"Saṅkhittenapi desemi, vitthārena tathevahaṃ
Abhidhammanayaññūhaṃ, kathāvatthuisuddhiyā;
Sabbesaṃ viññāpetvāna, viharāmi anāsavo"*

"Tôi cũng thuyết giảng một cách tóm tắt, một cách chi tiết tương tự y như thế.

¹²Tiểu Bộ Kinh - Thánh Nhân Ký Sự - Việt dịch: TK Indacanda.

Là người biết rõ đường hướng của Vi Diệu Pháp thông thạo về các đề tài thuyết giảng, sau khi làm cho tất cả hiểu rõ, tôi sống không còn lậu hoặc"¹³.

Dù vậy, Tỳ-khưu Ni Khemā cũng nói việc bà là người thông thạo Vô Tỷ Pháp trong bộ Thánh Nhân Ký Sự này là:

*"Kusalāhaṃ visuddhīsu, kathāvatthuvīsārādā;
Abhidhammanayaññū ca, vasippattāmi sāsane".*

"Tôi được thiện xảo về các (pháp) thanh tịnh, tự tin trong vấn đề tranh luận, biết về phương thức của Vi Diệu Pháp, và đã đạt được năng lực ở giáo pháp"¹⁴.

Vào Thời Đức Phật, Ngài đã giới thiệu cho chư Tỳ-khưu học hỏi Vô Tỷ Pháp trong Tăng Chi Bộ Kinh rằng:

"Kathañca, bhikkhave, purisakhaḷuṅko javasampanno hoti; na vaṇṇasampanno na ārohapariṇāhasampanno?"

¹³Tiêu Bộ Kinh - Thánh Nhân Ký Sự - Việt dịch: TK Indacanda.

¹⁴Tiêu Bộ Kinh - Thánh Nhân Ký Sự - Việt dịch: TK Indacanda.

Idha, bhikkhave, bhikkhu 'idaṃ dukkha'nti yathābhūtaṃ pajānāti...pe... 'ayaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā'ti yathābhūtaṃ pajānāti. Idamassa jivasmiṃ vadāmi. Abhidhamme kho pana abhivinaye pañhaṃ puṭṭho saṃsādeti [saṃhīreti (ka.)], no vissajjeti. Idamassa na vaṇṇasmiṃ vadāmi. Na kho pana lābhī hoti cīvarapiṇḍapātasenāsanagilānappaccayabhesajjaparikkhārānaṃ. Idamassa na ārohapariṇāhasmiṃ vadāmi. Evaṃ kho, bhikkhave, purisakhaḷuṅko jivasampanno hoti; na vaṇṇasampanno, na ārohapariṇāhasampanno".

"Thế nào, này các Tỳ khuru, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?

Ở đây, này các Tỳ khuru, Tỳ khuru như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về thắng pháp thắng luật, vị ấy lại ngập ngừng không có trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không có nhận được các đồ tư dụng, như y

áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỳ khuru, là người chưa có điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối"¹⁵.

Ngoài ra đó, chư Tỳ-khuru trong thời Đức Phật có khuyến khích nhau học hỏi nghiên cứu và vấn đáp liên quan đến Vô Tỷ Pháp giống Kinh và Luật, có những điều liên quan đến việc này như sau:

"Kathaṃ na lābhakamyā sikkhati? Idha bhikkhu na lābhahetu, na lābhapaccayā, na lābhakāraṇā, na lābhābhinibbattiyā, na lābhaṃ paripācento, yāvadeva attadamatthāya attasamatthāya attaparinibbāpanatthāya suttantaṃ pariyāpuṇāti, vinayaṃ pariyāpuṇāti, abhidhammaṃ pariyāpuṇāti. Evampi na lābhakamyā sikkhati".

"Vị Tỳ khuru học tập bởi vì không mong muốn lợi lộc là như thế nào? Vị Tỳ khuru trong Pháp và Luật này ắt hẳn phải nghiên cứu học hỏi bởi vì nguyên nhân làm cho

¹⁵ Kinh Tăng Chi - Ba Chi - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

không phát sanh lợi lộc, nhận sự phát sanh lợi lộc, không mong cầu lợi lộc, tất nhiên sự học hỏi Kinh, Luật và Vô Tỷ Pháp chỉ để rèn luyện bản thân, để yên tịnh bản thân, để cho bản thân chứng đắc Níp-bàn. Tỳ khuru học tập bởi vì không muốn lợi lộc là như vậy"¹⁶.

"Pañham puccheyyāti suttante okāsaṃ kārāpetvā vinayaṃ vā abhidhammaṃ vā pucchati, āpatti pācittiyassa. Vinaye okāsaṃ kārāpetvā suttantaṃ vā abhidhammaṃ vā pucchati, āpatti pācittiyassa. Abhidhamme okāsaṃ kārāpetvā suttantaṃ vā vinayaṃ vā pucchati, āpatti pācittiyassa".

"Hỏi câu hỏi: Sau khi đã thỉnh ý trước về Kinh, vị ni hỏi Luật hoặc Vi Diệu Pháp thì phạm tội pācittiya (ưng đối trị). Sau khi đã thỉnh ý trước về Luật, vị ni hỏi Kinh hoặc Vi Diệu Pháp thì phạm tội pācittiya (ưng đối trị). Sau khi đã thỉnh ý trước về Vi Diệu Pháp, vị ni hỏi Luật hoặc Kinh thì phạm tội pācittiya (ưng đối trị)"¹⁷.

¹⁶ Tiểu Bộ Kinh - Đại Xiển Minh

¹⁷ Luật Tỳ Khuru Ni - Việt dịch: TK Indacanda.

(Việc xin thỉnh ý trước là thể hiện sự tôn kính đến người trả lời vấn đề, nếu Tỳ khuru Ni hỏi vấn đề bằng sự không thỉnh ý trước cũng như là thiếu sự tôn kính, Vì thế có phạm tội cần sám hối theo Luật).

"Anāpatti na vivaṇṇetukāmo, "iṅgha tvaṃ suttante vā gāthāyo vā abhidhammaṃ vā pariyāpuṇassu, pacchā vinayaṃ pariyāpuṇissasī"ti bhaṇati, ummattakassa, ādikammikassāti".

"Vị không có ý định chê bai rồi nói rằng: "Này, đến khi nào người học thông thạo về các bài Kinh hoặc các bài kệ hoặc Vi Diệu Pháp rồi sẽ học thông thạo về Luật sau," vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội"¹⁸.

(Nếu vị Tỳ khuru khiển trách việc đọc tụng Luật rằng không tìm được sự lợi ích. Tất nhiên sẽ có lỗi cần sám hối theo điều Đức Phật đã chế định. Nhưng nếu nói rằng xin cho học Kinh, Kệ ngôn hay Vô Tỷ Pháp trước rồi mới học Luật, vị Tỳ khuru nói như vậy thì không cần sám hối. Dù vậy,

¹⁸ Luật Tỳ Khuru - Việt dịch: TK Indacanda.

vị Tỳ khuru bị điên và vị Tỳ khuru phạm đầu tiên gọi là *ādikammika* thì không phạm tội).

"Tena kho pana samayena sambahulā therā bhikkhū pacchābhattaṃ piṇḍapātaṭṭikkantā maṇḍalamāle sannisinnā sannipatitā abhidhammakathaṃ kathenti. Tatra sudaṃ āyasmā citto hatthisāriputto therānaṃ bhikkhūnaṃ abhidhammakathaṃ kathentānaṃ antarantarā kathaṃ opātetī".

"Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ khuru trưởng lão, sau buổi ăn, sau khi đi khất thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà hình tròn và thuyết về Thắng pháp luận. Tại đấy, Tôn giả Hatthisāriputta, trong khi các Tỳ khuru trưởng lão đang thuyết về Thắng pháp luận, lại nói xen vào chặng giữa"¹⁹.

"Idhāvuso sāriputta, dve bhikkhū abhidhammakathaṃ kathenti, te aññamaññaṃ pañhaṃ pucchanti, aññamaññaṃ pañhaṃ puṭṭhā vissajjenti, no ca saṃsādenti [saṃsārenti (ka.)], dhammī ca nesamaṃ kathā"

¹⁹Kinh Tăng Chi - Sáu chi - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

pavattinī hoti. Evarūpena kho, āvuso sārīputta, bhikkhunā gosīngasālavanam sobheyyā”ti

"Ở đây, này Hiền giả Sārīputta, hai Tỷ khuru đàm luận về Abhidhamma. Các vị ấy hỏi nhau câu hỏi, và khi được hỏi, các vị trả lời được với nhau chớ không dừng lại vì không trả lời được, và cuộc đàm luận về pháp được tiếp tục. Này Hiền giả Sārīputta, hạng Tỷ khuru như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosīngā?"²⁰

”Āraññikenāvuso, bhikkhunā abhidhamme abhivinaye yogo karaṇīyo. Santāvuso, āraññikaṃ bhikkhuṃ abhidhamme abhivinaye pañhaṃ pucchitāro. Sace, āvuso, āraññiko bhikkhu abhidhamme abhivinaye pañhaṃ puṭṭho na sampāyati, tassa bhavanti vattāro. ’Kīṃ panimassāyasmato āraññikassa ekassāraññe serivihārena yo ayamāyasmā abhidhamme abhivinaye pañhaṃ puṭṭho na sampāyati’ti – tassa bhavanti vattāro.

²⁰Kinh Trung Bộ - Tập 1 - Đại kinh rừng sùng bò - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

Tasmā āraññikena bhikkhunā abhidhamme abhivinaye yogo karaṇīyo".

"Này chư Hiền, Tỳ khuru sống ở rừng núi cần phải thực tập thắng pháp (abhidhamma), thắng luật (abhivinaya). Này chư Hiền, sẽ có người hỏi Tỳ khuru sống ở rừng núi về thắng pháp, thắng luật. Nếu Tỳ khuru sống ở rừng núi được hỏi về thắng pháp, thắng luật mà không thể trả lời được, thòi có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Nào có tốt gì, nếu Tôn giả này là vị sống ở rừng núi, sống một mình trong rừng, hành động theo sở thích; nay Tôn giả này được hỏi về thắng pháp, thắng luật lại không có thể trả lời được!" Sẽ có người nói về vị ấy như vậy. Do vậy, Tỳ khuru sống ở rừng núi cần phải có thực tập thắng pháp, thắng luật".²¹

Danh từ Thắng Luật trong đoạn này, bộ chú giải có giải rằng: Ý nghĩa từ bộ khandhaka và Parivara (các chương

²¹ Kinh Trung Bộ - Tập 2 - Kinh Gulisàni - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

và bộ toát yếu) hay là sự đè nén phiền não tức là *Samatha* và *Vipassanā*).²²

"Puna caparaṃ, āvuso, bhikkhu dhammakāmo hoti piyasamudāhāro, abhidhamme abhivinaye uḷārapāmojjo. Yaṃpāvuso, bhikkhu dhammakāmo hoti...pe... uḷārapāmojjo. Ayampi dhammo nāthakaraṇo".

"Này các Hiền giả, lại nữa có vị Tỷ kheo ưa Pháp, ái luyện nói Pháp, tự mình vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào ưa Pháp... vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Pháp như vậy là hộ trì nhân".²³

"Paṭibalo hoti antevāsiṃ vā saddhivihāriṃ vā abhisamācārikāya sikkhāya sikkhāpetuṃ, ādibrahmacariyakāya sikkhāya vinetuṃ, abhidhamme vinetuṃ, abhivinaye vinetuṃ, uppannaṃ diṭṭhigataṃ dhammato vivecetūṃ".

²² Chú giải Kinh Trường Bộ.

²³ Kinh Trường Bộ - Tập 3 - Kinh phúng tụng - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

"1. Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phạm sự căn bản, 2. (có khả năng) để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, 3. (có khả năng) để hướng dẫn về Thắng Pháp, 4. (có khả năng) để hướng dẫn về Thắng Luật, 5. (có khả năng) để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã được sanh khởi cho đệ tử hay học trò".²⁴

(Danh từ Thắng Luật trong đoạn này, bộ chú giải có giải rằng: Tất cả Tạng Luật)²⁵.

²⁴ Luật đại phẩm - Việt dịch: TK Indacanda.

²⁵ Chú Giải Tạng Luật

Việc Phản Đối Vô Tỷ Pháp Không Phải Là Phật Ngôn

Dù rằng đã có dẫn chứng trong Tạng Luật và Tạng Kinh, nhưng cũng vẫn có người phản đối Vô Tỷ Pháp không phải là Phật ngôn bằng cách đưa lên nhiều lý do, quan điểm để khẳng định ý kiến của mình. Phần lớn những người đó là người phương Tây mới bắt đầu quan tâm nghiên cứu Phật giáo, người biết xin đưa lên những ý kiến đó đến trình bày ở đây, rồi sẽ giải thích trong mỗi quan điểm được trình bày sau đây:

Điều viện có thứ nhất nói rằng: Có người nói đến sự việc Đức Phật tuyên thuyết tạng Vô Tỷ Pháp bằng cách đem chuyện Đức Phật thuyết pháp tế độ Phật mẫu ở cõi trời Đao Lợi chỉ là những điều được nói đến của những nhà chú giải mà được dẫn chứng từ thế hệ sau này và vấn đề này không có trong Kinh và Luật.

Trong điều này, Đức Phật ngự lên tế độ Phật mẫu ở cõi trời Đao Lợi không phải chỉ là những điều được nói đến của các nhà chú giải nhưng còn xuất hiện trong Kinh

nữa cùng với lời nói trong Trung Bộ Kinh (tập 3) có chư Thiên đi tìm một vị Tỳ-khưu rồi giới thiệu cho Ngài đi bạch hỏi về bài Kinh 'Nhất Dạ Hiền Giả' mà Đức Phật đã thuyết giảng trong cõi Đạo Lợi như vậy:

"Atha kho candano devaputto abhikkantāya rattiya abhikkantavaṇṇo kevalakappaṃ nigrodhārāmaṃ obhāsetvā yenāyasmā lomasakaṅgiyo tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā ekamantaṃ aṭṭhāsi. Ekamantaṃ ṭhito kho candano devaputto āyasmantaṃ lomasakaṅgiyaṃ etadavoca "Ekamidaṃ, bhikkhu, samayaṃ bhagavā devesu tāvatimsesu viharati pāricchattakamūle paṇḍukambalasilāyaṃ. Tatra bhagavā devānaṃ tāvatimsānaṃ bhaddekarattassa uddesaṅca vibhaṅgaṅca abhāsi".

"Lúc bấy giờ, Tôn giả Lomasakangiya trú ở giữa dòng họ Sakya, tại Kapilavatthu, ở tinh xá Nigrodha. Rồi Thiên tử Candana sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng cả vùng tinh xá Nigrodha, đi đến Tôn giả Lomasakangiya, sau khi đến liền đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Candana thưa với Tôn giả

Lomasakangiya..... Một thời, này Tỳ khuru, Thế Tôn trú giữa chư Thiên Tam thập tam thiên, dưới cây Pāricchattaka, trên hòn đá Paṇḍukambala. Tại đấy, Thế Tôn đọc lên tổng thuyết và biệt thuyết về Nhất Dạ Hiền Giả cho chư Thiên ở Tam thập tam thiên".²⁶

(Lời xiển thuật và phân tích của bài Kinh 'Nhất Dạ Hiền Giả' đó không gặp trong tạng Vô Tỷ Pháp phiên bản hiện tại và cho rằng không được nhận sự ghi chép bởi vì đã có trong Tạng Kinh rồi. Vì vậy, không ghi chép nữa theo cách kết tập, tức chỉ tập hợp pháp trùng nhau (giống nhau) thành một nhóm vào một chỗ).

Tiểu Bộ Kinh - Ngạ Quỷ Sự cũng có những điều liên quan đến vấn đề này:

"Tāvatiṃse yadā buddho, silāyaṃ paṇḍukambale;

Pāricchattakamūlamhi, vihāsi purisuttamo.

Dasasu lokadhātūsu, sannipatitvāna devatā;

Payirupāsanti sambuddhaṃ, vasantaṃ nagamuddhani.

²⁶ Trung Bộ Kinh - Tập 3 - Kinh Lomasakangiya Nhất Dạ Hiền Giả - Việt dịch: HT Thích Minh Châu

*Na koci devo vaṇṇena, sambuddhaṃ atirocati;
Sabbe deve atikkamma, sambuddhova virocati".*

“Ở cõi Ba Mươi Ba, khi ấy đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân, đã trú ngụ ở gốc cây san hô, nơi tảng đá Paṇḍukambala.

Chư Thiên ở mười (ngàn) thế giới tụ hội lại hầu cận đấng Toàn Giác đang cư ngụ ở đỉnh ngọn núi.

Không có vị Thiên nhân nào sáng chói vượt trội đấng Toàn Giác về màu da; sau khi vượt trội tất cả chư Thiên, chỉ đấng Toàn Giác chói sáng”²⁷.

Khi Đức Phật ngụ xuống từ cõi trời Đao Lợi đến thành Saṅkassa, Trưởng lão Sāriputta cũng đi đến và nhận thấy điều oai phong tột cùng của Đức Như Lai. Vì vậy nói lên kệ ngôn ca ngợi và tiếp đến kệ ngôn đó được nhận sự kết tập trong bộ Kinh Tập và Đại Xiển Minh có ý nghĩa như vầy:

²⁷ Tiểu Bộ Kinh – Nga Quỷ Sự - Chuyện Nga Quỷ Āṅkura –Việt dịch: TK Indacanda.

*“Na me ditṭho ito pubbe,
Na suto uda kassaci;
Evaṃ vagguvado satthā,
Tusitā gaṇimāgato”.*

“Con chưa từng thấy,
Chưa ai từng được nghe,
Tiếng nói thật ngọt ngào,
Như tiếng bậc Đạo Sư,
Từ cõi Đâu-suất đến,
Xá-lợi-phất nói vậy”.²⁸

Đối với quan điểm viện cứ rằng, Bộ Chú giải là dẫn chứng của thế hệ sau này thấy rằng sẽ không được tăng tín đồ Phật giáo Nguyên thủy chấp nhận, xem như Bộ Chú giải có từ thời Đức Phật, không phải ngài Buddhaghosa tự biên soạn giải thích. Ngay cả bộ chú giải của ngài Buddhaghosa và các vị khác biên soạn sau này kể từ năm Phật lịch 1000 cho đến nay, cũng tin rằng Ngài thay đổi từ bộ Đại chú giải thành bộ chú giải vốn dĩ đổi từ ngôn

²⁸ Tiểu Bộ Kinh – Kinh Tập – Kinh Sāriputta – Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

ngữ Sinhala (Tích Lan) sang ngôn ngữ Pāli hợp với hai phần quan trọng là:

1. Những bài pháp riêng lẻ (pakiṇṇaka) là những bài thuyết pháp nói chung tự Đức Phật thuyết giảng, giải thích, hay khi có người trình hỏi để cho người đời sau hiểu.
2. Thỉnh Văn Ngữ là lời nói của chư Thánh đệ tử Đức Phật, là lời giải thích hay tập hợp Phật ngôn có những dẫn chứng gặp trong tạng Kinh như là:

a/ Ngài Sāriputta nói đến phương pháp kết tập một cách tóm tắt như Kinh Phúng Tụng và Kinh Thập Thượng.

b/ Ngài Ānanda trình bày, giải thích và phân tích Kinh 'Nhất Dạ Hiền Giả' trong Ānanda Nhất Dạ Hiền Giả.

c/ Ngài Kaccāyana giải thích kinh Nhất Dạ Hiền Giả trong Đại Chiên Diên Nhất Dạ Hiền Giả.

Bộ Đại chú giải ghi chép những bài pháp riêng lẻ và Thánh ngôn của những vị đệ tử Phật được nhận sự kết tập trong lần kết tập thứ nhất và những lần kết tập khác. Sau đó, ngài Đại Trưởng lão Mahinda đi truyền bá giáo pháp trong đảo Lankā sau kỳ kết tập lần thứ 3 trong khoảng năm Phật lịch 235. Các Ngài đem Tam tạng và Đại chú giải đi đến đảo Lankā. Tất cả tam tạng và Đại Chú Giải được dịch sang ngôn ngữ Sinhala để cho các thiện nam người Sinhala nghiên cứu học hỏi cho thuận tiện. Một thời gian rất lâu sau đó, bộ Đại Chú Giải phiên bản Pāli biến mất cho đến khi Ngài Buddhaghosa đi đến đảo Lankā trong thời vua Mahānāma (Phật lịch 953-975), vì thế Ngài đã dịch bộ Đại chú giải sang Pāli để cho người dân mà biết ngôn ngữ Pāli trong các xứ quốc giáo và được sử dụng như là sổ tay nghiên cứu Tam tạng. Về sau, các nhà chú giải khác cũng tiến hành theo đường lối của Ngài Buddhaghosa cho đến hiện tại đây. Bộ Chú Giải đã chuyển ngữ một cách đầy đủ từ ngôn ngữ Sinhala. Nội dung ban đầu nói lại trong kệ ngôn bắt đầu của mỗi Bộ Chú Giải, ngay cả Bộ Đại Sử có nói như vậy:

*"Sīhaḷāṭṭhakathā suddhā, mahindena matīmatā;
 Saṃgītittayamāruḷaṃ, sammāsambuddhadesitaṃ.
 Sāriputtādigītañca, kathāmaggaṃ samekkhiya;
 Ekā sīhaḷabhāsāya, sīhaḷesu pavattati".*

“Chú giải Sinhala (Tích Lan) đã rõ ràng mà tập trung lời giải thích của Đức Phật đã thuyết giảng và lời nói của Trưởng Lão Sāriputta .v.v... và đã được đem vào kết tập tam tạng tất cả là ba lần. Vì vậy ngài Trưởng Lão Mahinda là bậc trí tuệ đã dịch chú giải sang ngôn ngữ Sinhala (Tích Lan), dĩ nhiên là sẽ xuất hiện cho người Sinhala (Tích Lan)”.²⁹

Bởi nguyên nhân này mà những tăng tín đồ Phật Giáo cũng không cho rằng bộ chú giải là bằng chứng của thế hệ sau này. Điều mà nói nhau trong thời hiện tại này là “Bộ sách chú giải”, nhưng có sự quan trọng ngang với Tam tạng bởi vì nếu không có lời giải thích từ bộ chú giải thì cũng không thể hiểu được Phật ngôn một cách rõ ràng. Bởi vì người hiểu được những lời Đức Phật giải thích hầu

²⁹ Mahāvamsa (Bộ Đại Sử) Chương 37.

như chắc chắn chỉ có Ngài và những vị Thánh đệ tử có tư tuệ phân tích.

Hơn nữa trong bộ chú giải đôi lúc cũng có sự giải thích ngữ pháp như là sự lặp lại ý nghĩa, sự kết hợp từ vựng và sự trình bày phân tích, v.v. Tất cả đó là sự giải thích của các nhà chú giải để cho thế hệ về sau học hỏi Pāli là ngôn ngữ thứ hai. Hiểu bản phụ âm được rõ ràng sẽ có lợi ích làm cho hiểu ngữ nghĩa rõ ràng. Ngoài ra đây, trong một vài chỗ Ngài cũng nói rằng theo ý kiến của người thời trước, lúc khoa học vẫn chưa phát triển giống bây giờ như là mặt trăng rộng 49 do tuần, mặt trời rộng 50 do tuần. Những nội dung này không đề cập đến nền tảng pháp chi cả. Vì vậy cũng không làm cho giá trị bộ chú giải mất đi.

Điều kiện có thứ hai nói rằng: Trước khi Ngũ Uẩn Níp-bàn, Đức Phật thuyết tứ đại giáo pháp cho đệ tử có thể so sánh thực hành là sai hay đúng bằng sự kiểm chứng cho phù hợp với kinh và luật nếu phù hợp nhau thì cũng cho đó là nên thực hành. Nếu không phù hợp nhau

thì cho đó là không nên thực hành. Trong chỗ này không nói là so sánh với Vô Tỷ Pháp.

Trong điều này giải thích rằng Vô Tỷ Pháp không phải là quá trình thực hành liên quan đến Giới giống như Luật và không nhấn mạnh thực hành để giải thoát giống như Kinh nhưng nhấn mạnh vào trạng thái pháp không phải ‘chúng sanh’, ‘người’, hay sự định đặt chế định nào đó. Điều chánh yếu trong Vô Tỷ Pháp cũng không dẫn dắt theo đường hướng trong sự quyết định là đúng hay sai liên quan đến sự thực hành pháp được. Dù sao đi nữa, nền tảng pháp hành quan trọng cũng có trình bày trong tạng Vô Tỷ Pháp như là vấn đề niệm xứ có trình bày một cách chi tiết trong Bộ Phân Tích, phần niệm xứ phân tích, bởi nhân này mà chư thiên nghe pháp sẽ hiểu được sự phát triển niệm xứ và đắc được pháp nhãn trong lúc nghe pháp.

Điều viện có thứ ba nói rằng: dù danh từ “Abhidhamme” xuất hiện trong một vài bài kinh cũng không có ý nói đến tạng Vô Tỷ Pháp, như trong Trung

bộ kinh tập 3 danh từ “Abhidhamme” theo các nhà chú giải nói rằng trong đó là 37 phần trợ bồ đề.

Trong điều này, danh từ “Abhidhamma” dịch theo từ là “pháp đặc biệt”, từ này trong bài kinh Kintisutta ý nói đến pháp bồ đề phần đó là con đường giác ngộ đặc biệt hơn bố thí và trì giới. Ngoài ra, trong trường bộ kinh phẩm Patika - kinh phúng tụng danh từ “Abhidhamma” ý nói đến đạo quả đặc biệt hơn pháp hiệp thế như các nhà chú giải đã nói.

Sự thật việc đưa những vấn đề trong kinh Kintisutta (Kinh nghĩ như thế nào?) viện cứ rồi bác bỏ Vô Tỷ Pháp không phải là tạt Vô Tỷ Pháp ắt hẳn là không đúng bởi vì những vấn đề đó là sự trình bày ý nghĩa riêng biệt cá nhân cũng là bình thường, một số từ có thể đưa đến ý nghĩa chia ra khác nhau theo vị trí xuất hiện như từ “Dhammacakkhu” (pháp nhãn) trong bộ chú giải một vài chỗ sẽ có ý nói đến Dự lưu đạo, một vài chỗ cũng nói đến ba đạo cao. Như đã nói rằng trong bộ Sumanāgalavilāsinī (chú giải trường bộ kinh).

*“Dhammacakkhanti dhammesu vā cakkhum,
dhammamayaṃ vā cakkhum, aññesu tḥānesu tiṇṇaṃ
maggānametaṃ adhivacanaṃ. Idha pana
sotāpattimaggasseva”.*

“Danh từ Dhammacakkhu có ý nghĩa là nhãn trong pháp hay nhãn sanh từ pháp. Từ này là tên của ba đạo cao trong trường hợp khác, còn trong kinh này chỉ là tên của Dự lưu đạo”.³⁰

Có điều chú ý trong vấn đề này là người phản đối Vô Tỷ Pháp viện dẫn trong bộ chú giải khẳng định lý do của mình là Vô Tỷ Pháp không phải tạng Vô Tỷ Pháp. Nhưng ngược lại không chấp nhận điều trong bộ chú giải nói rằng Vô Tỷ Pháp là tạng Vô Tỷ Pháp như sau:

“Nên biết ý nghĩa bốn nhóm này là Pháp, Vô Tỷ Pháp, Luật và Thắng luật trong vấn đề đó Pháp là tạng Kinh, Vô Tỷ Pháp là bảy bộ Vô Tỷ Pháp, Luật là bộ lưỡng phần phân tích (phân tích giới Tỳ khuru và phân tích giới Tỳ khuru ni),

³⁰ Chú giải Trường Bộ Kinh.

Thăng luật là các chương (khandhaka) và bộ toát yếu (parivāra)”³¹.

Ngoài ra đó, người phản đối vẫn không chấp nhận chuyện Đức Phật ngự lên nhập hạ ở cõi trời Đao Lợi mà nói là nhiều nơi trong chú giải.

Điều kiện có thứ tư nói rằng: trong tạng Vô Tỷ Pháp có nội dung rằng: **Yañca kho bhagavatā jānatā passatā** (Đức Thế tôn biết, thấy và giảng như vậy) và từ **Vuttañcetam bhagavatā** (điều đó đã được Đức Thế Tôn thuyết như vậy) ngôn từ này là của các giáo thọ sư kết tập Tam tạng không phải là Phật ngôn.

Trong điều này giải thích tạng Vô Tỷ Pháp là pháp chánh mà Thánh đệ tử nghe từ Đức Phật giống như Kinh và Luật. Trong thời gian kết tập mới nói lời nói đó để trình bày là không phải lời của vị kết tập Tam tạng, câu này so được với từ trong tạng Kinh là **Evam me suttam**

³¹ Chú giải Kinh Tăng Chi.

(Tôi được nghe như vậy) và lời trong Luật là **Tena kho pana samayena bhagavā** (Trong thời đó Đức Phật).

Nếu sẽ bác bỏ Vô Tỷ Pháp cùng với lời bắt đầu như vậy cũng cần phải bác bỏ Kinh và Luật luôn. Bởi vì tất cả Kinh và Luật đều nghe từ Đức Phật giống nhau.

Điều viện có thứ năm nói rằng: học phái A-Tỳ-Đàm mà có một tên gọi nữa là phái Vô Tỷ Pháp bởi vì chấp nhiều vào Vô Tỷ Pháp nhưng vẫn thấy là Tạng Vô Tỷ Pháp là lời của các vị đệ tử như là biên soạn bởi ngài Kaccāyana, ngài Sāriputta và ngài Moggallāna không phải đúng là Phật ngôn.

Trong điều này giải thích rằng quan điểm nói lại trong tất cả bộ phái Mahāyāna, kể cả ý kiến của người thời đại sau mà không thấy trong chú giải, khi so với cách suy xét lời dạy cũng chỉ là tư kiến không đáng tin cậy nhiều và khi quan điểm này mâu thuẫn với Phật ngôn có trong Tam tạng và dẫn chứng từ chú giải, dĩ nhiên cũng không tin cậy được. Cách suy xét lời dạy đó, có bốn điều

trình bày trong bộ chú giải bởi sự quan trọng được sắp xếp như sau:

1. Kinh (khế kinh) là Tam tạng.
2. Thuận theo Kinh (thuận theo khế kinh) là tứ đại giáo pháp.
3. Giáo thọ bộ (ý kiến của các vị thầy) là bộ chú giải.
4. Tư kiến (ý kiến của mình) là ý kiến của mỗi người.

Người viết nghĩ rằng: Nếu Phật tử ưa thích sử dụng tư kiến cá nhân của mỗi người để phán xét lời dạy trong tông giáo thì sự băng hoại của diệu pháp ắt hẳn sanh lên bởi vì con người có thể hiểu lời dạy không giống nhau, nó phát sanh bởi sự tích góp trí tuệ của mỗi người trong hiện tại. Giống với chuyện ba vị hoàng tử đó là: hoàng tử Kimbila, hoàng tử Bhaddiya và hoàng tử Anuruddha đến nói chuyện với nhau rằng: “Cơm sanh từ đâu” cả ba vị đều trả lời không giống nhau như vậy hoàng tử Kimbila nói rằng “Cơm sanh từ vựa thóc”, hoàng tử Bhaddiya nói rằng “Cơm sanh từ cái nồi”, còn hoàng tử Anuruddha nói rằng

“Cơm sanh từ mâm vàng”. Trả lời được như vậy bởi vì cả ba hoàng tử chưa từng tận mắt thấy gạo hay lúa đâu, nhưng thấy cơm từ vựa thóc, thấy cơm từ cái nồi, thấy cơm từ mâm vàng vì thế có ý kiến phân tích khác nhau.

Điều viện có thứ sáu nói rằng: trước khi Ngũ Uẩn Níp-bàn, Đức Phật thuyết giảng ủy thác giáo pháp trong sự chịu trách nhiệm của các đệ tử là **Dhammo ca vinayo ca** (Pháp và Luật) không có thuyết đến Vô Tỷ Pháp.

Trong vấn đề này cho rằng: Thật ra trong Kinh Đại Níp-bàn, Đức Phật thuyết giảng cho chư tỳ khưu lấy Pháp và Luật là bậc đạo sư thay thế Ngài như sau:
"Yo vo, ānanda, mayā dhammo ca vinayo ca desito paññatto, so vo mamaccayena satthā" - "Này Ānanda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi".³²

Nếu viện có nói rằng pháp ở đây chỉ có nghĩa nói đến Kinh ắt hẳn là không đúng bởi vì rằng Pháp ở đây là lời nói bao quát không chỉ nói riêng là Kinh nếu Đức Phật chỉ

³² Trường bộ kinh - Đại Bát Níp Bàn - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

muốn nói rõ đến Kinh thì cũng nên giảng là **Suttanto** (Kinh) thay thế **Dhammo** (Pháp) nhưng lại không giảng như vậy. Mà pháp ở đây nghĩa là nói đến cả hai Kinh và Vô Tỷ Pháp. Như bộ chú giải có giải thích như vậy:

“Taṃ sakalampi suttantapaṭṭakam mayi parinibbute tumhākam satthukiccam sādheṣṣati.....,taṃ sakalampi abhidhammapaṭṭakam mayi parinibbute tumhākam satthukiccam sādheṣṣati”.

“Ngay cả toàn bộ tạng Kinh đó cũng thực hiện vai trò của Bậc Đạo Sư cho tất cả các người khi ta đã Níp-bàn rồi... Ngay cả toàn bộ tạng Vô Tỷ Pháp đó cũng thực hiện vai trò của Bậc Đạo Sư cho tất cả các người khi ta đã Níp-bàn...”³³

Điều viện có thứ bảy nói rằng: ngôn ngữ trong tạng Vô Tỷ Pháp là văn phong ngôn ngữ thế hệ sau được sắp xếp theo thứ tự có tính chất chuyên môn không phải là

³³ Chú giải Trường Bộ Kinh.

ngôn ngữ nói hội thoại theo cách ngôn ngữ nói trong Kinh và Luật.

Trong câu này giải thích rằng ngôn ngữ trong Kinh và Luật phần lớn là sự giảng dạy ở tính chất trình bày pháp hay chế định điều học vì vậy phải sử dụng ngôn ngữ nói hội thoại; còn Vô Tỷ Pháp là lời dạy ở lãnh vực chuyên môn, vì vậy cách sắp xếp bố cục không phải là ngôn ngữ nói, văn phong xuất hiện khác nhau có ở những trường hợp giảng dạy khác nhau.

Thật ra thì văn phong ngôn ngữ nói cũng có trong Vô Tỷ Pháp giống nhau đó là trong bộ Phân Tích phần Niệm Xứ Phân Tích và hết cả bộ Nhân Chế Định cũng là ngôn ngữ nói giống như Kinh.

Trong cùng một phương cách, ngôn ngữ chuyên môn theo kiểu Vô Tỷ Pháp cũng có trong Kinh và Luật như nhau, bằng cách nêu ví dụ so sánh sau đây:

“Yo panāti yo yādiso yathāyutto yathājacco yathānāmo yathāgotto yathāsīlo yathāvihārī yathāgocaro thero vā navo vā majjhimo vā. Eso vuccati ‘yo panā’ti”.

“Vị nào: là bất cứ vị nào có mối quan hệ như vậy, có giai cấp như vậy, có tên như vậy, có họ như vậy, có giới hạnh như vậy, có trú xứ như vậy, có nơi đi lại như vậy, là vị trưởng lão (trên 10 năm tỳ khuru), hoặc là vị mới tu (dưới 5 năm), hoặc là vị trung niên (trên 5 năm); vị ấy được gọi là ‘vị nào’”³⁴.

Câu này có trong tạng Luật Đại Phân Tích nên chú ý rằng ngôn ngữ sắp xếp theo cách chuyên môn và vẫn giống như ngôn ngữ sử dụng trong bộ chú giải, giải thích mỗi chương chi tiết.

Dù vậy trong Trung Bộ Kinh tập ba cũng có đoạn cùng đặc tính như vậy đó là:

“Katamā ca, bhikkhave, sammādiṭṭhi ariyā anāsavā lokuttarā maggaṅgā? Yā kho, bhikkhave, ariyacittassa anāsavacittassa ariyamaggasamaṅgino ariyamaggaṃ bhāvayato paññā paññindriyaṃ paññābalaṃ dhammavicayasambojjhaṅgo sammādiṭṭhi maggaṅgaṃ

³⁴Tạng Luật – Phân tích giới Tỳ Khuru 1 - Điều Pārājika thứ nhất – Tụng phẩm được che phủ - Việt dịch: TK Indacanda.

ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammāditṭhi ariyā anāsavā lokuttarā maggaṅgā".

"Và này các Tỳ khuru, thế nào là chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Phàm cái gì, này các Tỳ khuru, thuộc trí tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, chánh kiến, đạo chi của một vị tu tập Thánh đạo, thành thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Thánh tâm. Chánh kiến như vậy, này các Tỳ khuru, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi".³⁵

Như so sánh sự thuyết giảng đoạn trước đây với điều được nói đến trong Tạng Vô Tỷ Pháp như sau:

"Katamā tasmim samaye sammāditṭhi hoti? Yā tasmim samaye paññā pajānanā vicayo pavicayo dhammavicayo sallakkhaṇā upalakkhaṇā paccupalakkhaṇā paṇḍiccaṃ kosallaṃ nepuññaṃ vebhabyā cintā upaparikkhā bhūrī medhā pariṇāyikā vipassanā sampajaññaṃ patodo paññā paññindriyaṃ paññābalaṃ paññāsatthaṃ paññāpāsādo

³⁵ Trung bộ kinh - Tập 3 - Đại Kinh Bốn Mươi - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

paññāloko paññāobhāso paññāpajjoto paññāratanaṃ amoho dhammavicayo sammādiṭṭhi – ayaṃ tasmim̐ samaye sammādiṭṭhi hoti".

"Chánh kiến trong khi có ra sao? Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, tuệ trừ tuyệt phiền não, cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là chánh kiến vẫn có trong khi ấy"³⁶.

Ngoài ra đó cũng có ví dụ từ Trung Bộ Kinh được nêu lên như sau:

"Katamo ca, bhikkhave, sammāsaṅkappo ariyo anāsavo lokuttaro maggaṅgo? Yo kho, bhikkhave, ariyacittassa anāsavacittassa ariyamaggasamaṅgino ariyamaggaṃ

³⁶ Tặng Vô Tỷ Pháp - Bộ Pháp Tụ - Tâm Thiện Dục Giới - Việt dịch: HT Tịnh Sự.

bhāvayato takko vitakko saṅkappo appanā byappanā cetaso abhiniropanā vacīsaṅkhāro – ayaṃ, bhikkhave, sammāsaṅkappo ariyo anāsavo lokuttaro maggaṅgo".

"Và này các Tỳ khuru, thế nào là chánh tư duy, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Phàm cái gì này các Tỳ khuru thuộc suy tư, tầm cầu, tư duy, một ngữ hành do sự hoàn toàn chú tâm chuyên tâm của một vị tu tập Thánh đạo, thành thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Thánh tâm; chánh tư duy như vậy, này các Tỳ khuru, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi".³⁷

Nên so sánh lời giảng ở đoạn kinh trước với lời được thuyết trong tạng Vô Tỷ Pháp như sau:

"Katamo tasmim samaye sammāsaṅkappo hoti? Yo tasmim samaye takko vitakko saṅkappo appanā byappanā cetaso abhiniropanā sammāsaṅkappo – ayaṃ tasmim samaye sammāsaṅkappo hoti".

³⁷ Kinh Trung Bộ - Tập 3 - Đại Kinh Bốn Mươi - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

"Chánh tư duy trong khi có ra sao? Khi nào có sự tìm cảnh, sự nghĩ ngợi, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm đến khẩn khít cảnh, tư duy hay chánh tư duy. Như thế gọi là chánh tư duy vẫn có trong khi ấy"³⁸.

Điều viện có thứ tám nói rằng: Việc học hỏi nghiên cứu Vô Tỷ Pháp trong hiện tại theo hướng học bộ Diệu Pháp Lý Hợp mà vị đại trưởng lão thời sau biên soạn vì vậy sẽ không có kết quả nào bởi vì bộ sách này không phải là Phật ngôn.

Bộ Diệu Pháp Lý Hợp mặc dù được biên soạn sau thời Đức Phật vào khoảng thế kỉ thứ 16 nhưng cũng được gom vào tạng Vô Tỷ Pháp để cho thiện nam tử học hỏi, nghiên cứu dễ dàng. Bộ này là con đường tắt giúp cho hiểu được Vô Tỷ Pháp nhanh chóng. Việc nghiên cứu bộ này tạo nên lợi ích to lớn cho người nghiên cứu. Khi nghiên cứu bộ này rồi sẽ dễ dàng học phần tiếp theo của tạng Vô Tỷ Pháp và cũng sẽ hiểu ý nghĩa tạng Vô Tỷ Pháp

³⁸ Tạng Vô Tỷ Pháp - Bộ Pháp Tụ - Tâm Thiện Dục Giới - Việt dịch: HT Tịnh Sự.

một cách chi tiết, sâu xa rõ ràng. Như là tâm có 89 hay 121 cái tâm mà thường gặp trong tạng Vô Tỷ Pháp³⁹ giống như sau:

Tâm	Số trang trong Bộ Pháp Tụ	Số trang trong Bộ Phân Tích
Tâm bất thiện 12	105-24	364
Tâm quả bất thiện 7	156-60	370
Tâm quả thiện vô nhân 8	120-1	365-71
Tâm tố vô nhân 3	160-1	371
Tâm đại thiện 8	150	362
Tâm đại quả 8	13-23	368
Tâm đại tố 8	164	372

³⁹ Theo tạng Vô Tỷ Pháp của Thái Lan

Tâm	Số trang trong Bộ Pháp Tụ	Số trang trong Bộ Phân Tích
Tâm thiện sắc giới 5	50-79	319-21
Tâm quả sắc giới 5	513-34	324
Tâm tổ sắc giới 5	165	326
Tâm thiện vô sắc giới 4	79-80	321
Tâm quả vô sắc giới 4	13-45	325
Tâm tổ vô sắc giới 4	165-26	356
Tâm thiện siêu thế 4/20	84-104	321-24
Tâm quả siêu thế 4/20	136-57	325-26

Vấn đề viện có thứ chín nói rằng: Vô Tỷ Pháp là cốt lõi nguyên chất của những vấn đề khác với tạng Kinh, mà

Kinh liên quan đến người, địa điểm mà Đức Phật nhắc đến trước rồi mới thuyết giảng. Nhưng Vô Tỷ Pháp lại không nói đến những nhà trí thức (Bà-la-môn) khác nhau. Vì thế đưa ra quan điểm trùng nhau rằng nội dung Vô Tỷ Pháp là một phần tổng hợp điều pháp trong Kinh thành hệ thống bằng cách cắt phần không liên quan ra. Nên bộ Vô Tỷ Pháp phát sanh sau hệ thống cả bốn bộ kinh.

Điều này được giải thích rằng: Việc nói đến người và địa điểm trong Kinh đó là lời mở đầu của Ngài Ānanda cần phải nói để khẳng định nội dung trong kinh mà có người và địa điểm làm chứng cứ. Như thế nào đi nữa cũng có một số lượng lớn bài kinh mà Ngài Ānanda không nói đến người và địa điểm như là Tăng Chi Bộ Kinh – pháp một chi, pháp hai chi, v.v. cũng thế, tạng Luật cũng có một phần lớn thông tin không có nhắc đến người và địa điểm. Việc viện có rằng Vô Tỷ Pháp không có nói đến người và địa điểm hay nói rằng Vô Tỷ Pháp được soạn sau thời Đức Phật thì đó không phải là một lý do chính đáng.

Điều viện có thứ mười nói rằng: Giai đoạn biên soạn bộ Vô Tỷ Pháp vẫn không có chứng cứ xác định khi nào. Ít ra, sự việc mà tạng Vô Tỷ Pháp không có xuất hiện trong tạng Luật - Tiểu Phẩm, cho thấy là bộ này không được đưa vào kết tập lần thứ hai.

Trong điều này giải thích rằng thông tin liên quan đến Vô Tỷ Pháp đã xuất hiện trong tạng Luật và tạng Kinh như đã nói ở những phần đầu Vô Tỷ Pháp đã có từ thời Đức Phật rồi.

Ngoài ra đó trong bộ Tiểu Phẩm, bài kinh được chỉ định kết tập chỉ có hai kinh đó là Kinh Phạm Võng và Kinh Sa Môn Quả. Nếu chấp lấy riêng hai bài kinh xuất hiện trực tiếp đúng như vậy thì tạng kinh cũng nên chỉ có hai kinh như thế. Thật ra ngài giáo thọ kết tập Pháp (Dhammasaṅgāhakacariya) trình bày hai bài kinh đó để làm ví dụ bằng sự tóm tắt để cho biết tính chất cách hỏi đáp trong kì kết tập là như vậy. Như lời kết luận việc Ngài đã nói như thế:

Luật Tiểu Phẩm

“Atha kho āyasmā mahākassapo saṅghaṃ ñāpesi –

“Suṇātu me, āvuso, saṅgho. Yadi saṅghassa pattakallaṃ, ahaṃ ānandaṃ dhammaṃ puccheyya”nti.

Āyasmā ānando saṅghaṃ ñāpesi –

“Suṇātu me, bhante, saṅgho. Yadi saṅghassa pattakallaṃ, ahaṃ āyasmatā mahākassapena dhammaṃ puṭṭho vissajjeyya”nti.

Atha kho āyasmā mahākassapo āyasmantaṃ ānandaṃ etadavoca – “brahmajālaṃ, āvuso ānanda, kattha bhāsita”nti? “Antarā ca, bhante, rājagahaṃ antarā ca nālandaṃ rājāgārake ambalaṭṭhikāyā”ti. “Kaṃ ārabbhā”ti? “Suppiyañca paribbājakaṃ brahmadattañca māṇava”nti. Atha kho āyasmā mahākassapo āyasmantaṃ ānandaṃ brahmajālassa nidānampi pucchi, puggalampi pucchi. “Sāmaññaphalaṃ panāvuso ānanda, kattha bhāsita”nti? “Rājagahe, bhante, jīvakambavane”ti. “Kena saddhi”nti?

“Ajātasattunā vedehiputtana saddhi”nti. Atha kho āyasmā mahākassapa āyasmantaṃ ānandaṃ sāmāññaphalassa nidānampi pucchi, puggalampi pucchi. Eteneva upāyena pañcapi nikāye pucchi. Puṭṭho puṭṭho āyasmā ānando vissajjesi”.

[Sau đó, đại đức Mahākassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Này các sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Ānanda về Pháp.” Khi ấy, đại đức Ānanda đã thông báo đến hội chúng rằng: - “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được đại đức Mahākassapa hỏi về Pháp tôi sẽ trả lời.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda điều này: - “Này sư đệ Ānanda, kinh Brahmajāla (Phạm Võng) đã được thuyết ở đâu?” - “Thưa ngài, ở nhà nghỉ của vua tại Ambalaṭṭhikā, ở khoảng giữa Rājagaha và Nālanda.” - “Liên quan đến ai?” - “Đến du sĩ ngoại đạo Suppiya và thanh niên Brahmadata.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của kinh Brahmajāla.

- “Này sư đệ Ānanda, kinh Sāmaññaphala (Sa-môn Quả) đã được thuyết ở đâu?” - “Thưa ngài, ở Rājagaha nơi vườn xoài của Jīvaka.” - “Vớì ai?” - “Vớì Ajātasattu con trai của Videhi.” Rồi đại đức Mahākassapa đã hỏi đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của kinh Sāmaññaphala. Bằng chính phương thức ấy, (đại đức Mahākassapa) đã hỏi về năm bộ Kinh. Mỗi khi được hỏi, đại đức Ānanda đã trả lời.]⁴⁰

Một điều nữa là nội dung gặp trong bộ Tiểu Phẩm là sự ghi chép của cách kết tập lần thứ nhất có 500 vị A-la-hán có Trưởng lão Mahā Kassapa làm hội chủ sắp xếp ở tại hang động Sattapanna thành Vương Xá và trở thành tiêu chuẩn của những lần kết tập sau mà cũng dựa theo lần kết tập đầu tiên.

⁴⁰ Tạng Luật - Tiểu Phẩm - Chương Liên Quan Năm Trăm Vị - Việt dịch: TK Indacanda.

Điều viện có thứ mười một nói rằng: Một khía cạnh nữa là “kết tập kinh điển” nghĩa là “tụng cùng nhau” những điều tụng phải là những điều chư tăng từng học, thuộc lòng rồi. Trường hợp Vô Tỷ Pháp không được đưa vào kết tập lần thứ hai cũng có thể là bởi vì không phải là điều mà chư tăng ghi nhớ như Pháp hay Luật. Có thể là tiến cử những Đại Trưởng Lão thành nhóm để soạn hay kiểm tra biên soạn giải thích tạng Phật Ngôn hay không?

Trong điều này giải thích rằng khi có chứng cứ một cách rõ ràng là tạng Vô Tỷ Pháp được sắp xếp vào Tiểu Bộ Kinh và đưa vào kết tập trong thời kì kết tập lần thứ nhất. Điều viện dẫn này cũng không có lý do chánh đáng. Cả việc học hỏi bởi sự học thuộc lòng Vô Tỷ Pháp cũng có từ thời Đức Phật mà lúc đầu đã nói đến rồi.

Điều viện có thứ mười hai nói rằng: Ngoài ra nội dung rồi thì phần được nói đến nhiều là liên quan đến người biên soạn. Phía Thượng Tọa Bộ cho rằng Đức Phật thuyết bảy bộ Vô Tỷ Pháp trong tuần lễ thứ bảy kể từ khi giác ngộ. Bộ Atthasālini nêu rõ là Đức Phật giác ngộ Vô Tỷ Pháp dưới gốc cây Bồ Đề, dữ liệu này mâu thuẫn với sử

liệu cùng bộ Đại Sử và Đảo Sử chỉ rõ nổi bật rằng bộ Kathāvatthu là bộ cuối cùng của Vô Tỷ Pháp mà tác giả là ngài Trưởng lão Moggallīputtatisa được kết tập ở thành Pataliputta vào khoảng thời gian 235 năm sau Phật Níp-bàn.

Trong điều này giải thích rằng: Đức Phật giảng dạy bộ Kathāvatthu một cách tóm tắt có nhân ngữ mà phân chia là: Thuần Chân Thể, Cơ Hội Chân Thể, Thời Gian Chân Thể, Bộ Phận Chân Thể v.v... mà có số lượng 12 câu theo cuốn của Đại Học Mahachulalongkorn. Thêm vào đó là lời giải thích của Trưởng lão Moggallīputtatisa mà có khoảng 508 câu.

Từ tất cả những câu viện cứ được đưa vào nói ở đây nên chú ý là việc phủ nhận Vô Tỷ Pháp không phải là Phật Ngôn và Kinh điển sau thời Đức Phật đa phần là quan điểm của người Phương Tây bắt đầu đến nghiên cứu Phật giáo khoảng hơn 100 năm nay mà không phải là cách nhìn của tăng tín đồ Phật giáo Nguyên Thủy. Thật vậy người phương tây ưa thích nghiên cứu ngôn ngữ Pāli và thấy rằng đó là ngôn ngữ cổ được quan tâm giống như

ngôn ngữ Sankrit. Nhưng lại không có dự định học hiểu nguyên tắc dẫn đến thực hành tu tiến cho thoát khổ. Một điều nữa là Vô Tỷ Pháp là pháp sâu xa vi tế, nếu không có người thông thái hướng dẫn cũng khó mà hiểu được và khi không hiểu Vô Tỷ Pháp cũng cho rằng đó không phải là lời dạy của Đức Phật.

Ngài giáo thọ sư Dhammānanda viện chủ chùa Thamao từng nói rằng “Bà Rhys Davids và nhóm dịch giả của hội Pali Text vào khoảng Phật lịch 2400 đã đi đến xứ Miến nhiều lần để thăm hỏi vấn đề liên quan đến Vô Tỷ Pháp. Tất cả là để hỗ trợ cho việc dịch thuật tạng Vô Tỷ Pháp và người trả lời những vấn đề đó cho họ là vị Trưởng lão nổi tiếng lừng lẫy thời đó là Ngài Ñaṇadhaja (Ledi Sayadaw) của chùa LeDi tỉnh Moyoa và Ngài Visuddhācāra (Mahāvisuddhācāra Sayadaw) của chùa Visuddhāram tỉnh Mandalay. Chỉ riêng Ngài Ñaṇadhaja biên soạn bộ giải thích Paṭṭhāna (Vị Trí) theo cách tóm gọn tên là Paṭṭhanuddesadīpanī để giúp cho người Phương tây nghiên cứu bộ Paṭṭhāna (Vị Trí) một cách dễ dàng và Ngài đã trả lời vấn đề của bà Rhys Davids liên

quan đến bộ Yamaka, ngôn ngữ Pāli tên là Song Đối, tức là hỏi – đáp. Dù sao đi nữa người dân Miến cũng biết rằng bà Rhys Davids không phải là Phật tử, nhưng với sự hiểu biết ngôn ngữ Pāli sâu sắc nên bà được người dân Miến khen ngợi là Palidevi (nữ hoàng Pāli).

Ngài giáo thọ sư Dhammananda vẫn hay nói rằng một vị Tỳ-khưu người Miến trú ngụ ở thành phố Luân Đôn một thời gian dài tên là Setṭhilābhivaṃsa mà người phương tây biết đến với cái tên là U Thitila đó đã từng nói với Ngài rằng “người phiên dịch trong hội Pāli phần lớn không phải là Phật Tử”, vì thế, việc trình bày quan điểm của người Phương tây không phải là lời nói trung lập ở lĩnh vực chuyên môn, nhưng muốn phê bình Tam tạng là chuẩn mực của người Phật tử. Lại nữa, khi hội Pāli Text khan hiếm người có thể dịch bộ Vibhaṅga (Phân tích) nên đã mời Ngài Setṭhilābhivaṃsa đến để phiên dịch. Chủ tịch hội Pali text lúc bấy giờ là Bà I. B. Horner cũng vẫn viết lời giới thiệu quyển sách khen ngợi người dịch.

Có thể nói rằng người phương tây phần lớn không phải là người thông thạo nền tảng pháp như thật và

không phải là người Phật Tử. Nếu là người quan tâm yêu chuộng ngôn ngữ thì việc viện dẫn ý kiến quan điểm của họ rồi bác bỏ toàn bộ Vô Tỷ Pháp vốn dĩ của Thượng Tọa Bộ thì đó là vấn đề không tốt đẹp gì đối với người Phật Tử. Bởi vì người không tôn kính trong Pháp cũng giống như không tôn kính bậc Đạo Sư là người thuyết pháp và cũng vẫn không tôn kính chư tăng là người hành pháp. Sau đó, việc phê bình Vô Tỷ Pháp không phải là Phật Ngôn cũng có thể xếp vào việc không tôn kính Tam Bảo mà người Phật tử không nên làm như thế.

Chương Kết

Tạng Vô Tỷ Pháp phiên bản hiện tại là lời giải thích của Ngài Sāriputta đã nghe Vô Tỷ Pháp từ Đức Phật. Chỉ có bộ Kathāvatthu (Ngữ Tông) được biên soạn từ Ngài Moggaliputtatissa theo đầu đề mà Đức Phật tóm tắt vào khoảng Phật Lịch 235. Dù nói rằng, Vô Tỷ Pháp là lời dạy của Ngài Sāriputta nhưng cũng được xếp vào lời dạy theo Phật Ngôn. Vì thế, chấp nhận rằng Vô Tỷ Pháp cũng là Phật Ngôn như nhau.

Chương này viết lên cùng sự cố (quyết) tâm đề cao tạng Vô Tỷ Pháp và với quan điểm duy trì, bảo vệ Phật Ngôn trong Tam Tạng, đó là nhiệm vụ của tứ chúng Phật giáo. Nếu ta không gìn giữ, duy trì và bảo vệ thì Phật giáo cũng giống như cái cây bị chặt cành, đốn thân cây và cuối cùng cũng sẽ bị trốc gốc. Cho dù Đức Phật nhận thấy trước tầm quan trọng trong việc bảo vệ Phật Ngôn, nên Ngài cũng có giảng điều này trong Tăng Chi Bộ Kinh như vậy:

"Dveme, bhikkhave, tathāgataṃ abbhācikkhanti. Katame dve? Yo ca bhāsitaṃ lapitaṃ tathāgatena abhāsitaṃ alapitaṃ tathāgatenāti dīpeti, yo ca abhāsitaṃ alapitaṃ tathāgatena bhāsitaṃ lapitaṃ tathāgatenāti dīpeti. Ime kho, bhikkhave, dve tathāgataṃ abbhācikkhanti".

"Này các Tỳ khuru, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai không nói, không thuyết, và người nêu rõ Như Lai không nói, không thuyết là Như Lai có nói, có thuyết. Này các Tỳ khuru, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai".⁴¹

"Dveme, bhikkhave, tathāgataṃ nābbhācikkhanti. Katame dve? Yo ca abhāsitaṃ alapitaṃ tathāgatena abhāsitaṃ alapitaṃ tathāgatenāti dīpeti, yo ca bhāsitaṃ lapitaṃ tathāgatena bhāsitaṃ lapitaṃ tathāgatenāti dīpeti. Ime kho, bhikkhave, dve tathāgataṃ nābbhācikkhanti".

⁴¹ Tạng Kinh - Tăng Chi Bộ Kinh - Pháp 2 chi - Phẩm Người Ngu - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

"Này các Tỳ khuru, có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ Như Lai không có nói, không có thuyết là Như Lai không có nói, không có thuyết, và người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai có nói, có thuyết. Này các Tỳ khuru, có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai".⁴²

"Ye te, bhikkhave, bhikkhū adhammaṃ adhammoti dīpenti te, bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya, bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ. Bahuñca te, bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cīmaṃ saddhammaṃ tḥapenti".

"Những Tỳ khuru nào, này các Tỳ khuru, nêu rõ phi pháp là phi pháp, các Tỳ khuru ấy, này các Tỳ khuru, sở hành như vậy, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc an lạc cho chư Thiên và loài

⁴² Tạng Kinh - Tăng Chi Bộ Kinh - Pháp 2 chi - Phẩm Người Ngu - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

Người. Và hơn nữa, này các Tỳ khuru, các Tỳ khuru ấy tạo phước đức và an trú diệu pháp này".⁴³

"Ye te, bhikkhave, bhikkhū dhammaṃ dhammoti dīpentī te, bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya, bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ. Bahuñca te, bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cīmaṃ saddhammaṃ ṭhapenti".

"Những Tỳ khuru nào, này các Tỳ khuru, nêu rõ pháp là pháp, các Tỳ khuru ấy, này các Tỳ khuru, sở hành như vậy, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc an lạc cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỳ khuru, các Tỳ khuru ấy tạo phước đức và an trú diệu pháp này".⁴⁴

—————(())—————

⁴³ Tạng Kinh - Tăng Chi Bộ Kinh - Pháp 1 chi - Phẩm Thứ Mười Một - Phi Pháp - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.

⁴⁴ Tạng Kinh - Tăng Chi Bộ Kinh - Pháp 1 chi - Phẩm Thứ Mười Một - Phi Pháp - Việt dịch: HT Thích Minh Châu.